

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1	15.016	Công nghệ	Trần Gia	Bảo	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhất
2	15.172	Công nghệ	Phạm Ngọc	Thạch	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
3	15.113	Công nghệ	Lương Hữu	Lộc	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhất
4	15.067	Công nghệ	Trần Gia	Huy	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhất
5	15.071	Công nghệ	Trần Tấn Quang	Huy	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
6	15.001	Công nghệ	Nguyễn Văn	Ái	14	3	2003	Nam Định	9/2	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Nhất
7	15.109	Công nghệ	Phan Văn	Lân	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
8	15.116	Công nghệ	Nguyễn Thành	Luân	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phước Lộc	NHÀ BÈ	Nhất
9	15.025	Công nghệ	Đinh Lệ	Diễm	30	12	2003	Hà Tây	9A15	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Nhất
10	15.018	Công nghệ	Đặng Ngọc	Bảo	5	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhất
11	15.033	Công nghệ	Nguyễn Phan Hoàng	Đạt	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	Nhất
12	15.157	Công nghệ	Trang Trường	Quang	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhất
13	15.191	Công nghệ	Lương Ngọc Anh	Thư	23	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhất
14	15.041	Công nghệ	Nguyễn Minh	Đức	31	10	2003	Thanh Hóa	9-4	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhất
15	15.169	Công nghệ	Nguyễn Huy	Tài	31	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Nhất
16	15.190	Công nghệ	Đào Anh	Thư	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Nhất
17	15.173	Công nghệ	Ngô Quốc	Thái	8	3	2003	Tiền Giang	9A4	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Nhất
18	15.174	Công nghệ	Huỳnh Văn Huy	Thanh	13	7	2002	Tp Hồ Chí Minh	9/09	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhất
19	15.035	Công nghệ	Trần Quốc	Đạt	1	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	Nhất
20	15.107	Công nghệ	Y Cao	Lâm	23	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_08	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhất
21	15.021	Công nghệ	Vũ Hoàng	Châu	2	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
22	15.059	Công nghệ	Phạm Trung	Hiếu	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
23	15.080	Công nghệ	Thái Thành	Hưng	27	7	2017	Long An	9A3	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Nhì
24	15.138	Công nghệ	Nguyễn Thị Mỹ	Nghi	28	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phước Lộc	NHÀ BÈ	Nhì
25	15.037	Công nghệ	Phạm Thành	Đăng	15	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
26	15.058	Công nghệ	Nguyễn Minh	Hiếu	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	Nhì
27	15.164	Công nghệ	Phạm Thảo	Quyên	1	1	2003		9/3	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Nhì
28	15.177	Công nghệ	Vũ Văn	Thành	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
29	15.073	Công nghệ	Nguyễn Vũ Quốc	Huy	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Huy Liệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
30	15.102	Công nghệ	Võ Anh	Kiệt	22	2	2003	Quảng Trị	9A4	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Nhì
31	15.099	Công nghệ	Nguyễn Anh	Khôi	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhì
32	15.010	Công nghệ	Lê Hữu Tiên	Anh	9	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
33	15.224	Công nghệ	Dương Thúy	Vy	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì
34	15.158	Công nghệ	Lương Minh	Quân	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhì
35	15.019	Công nghệ	Lê Tấn	Bảo	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Nhì
36	15.020	Công nghệ	Lê Sỹ	Cảnh	16	2	2003	Quảng trị	9A1	THCS Bình Chiêu	THỦ ĐỨC	Nhì
37	15.181	Công nghệ	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	11	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì
38	15.199	Công nghệ	Phạm Như	Tiến	9	1	2003	Tây ninh	9A2	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	Nhì
39	15.143	Công nghệ	Trương Trọng	Nhân	23	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Nhì
40	15.023	Công nghệ	Trần Công	Danh	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a12	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
41	15.063	Công nghệ	Tạ Huy	Hoàng	11	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhì
42	15.144	Công nghệ	Nguyễn Huỳnh Long	Nhi	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
43	15.153	Công nghệ	Nguyễn Thanh	Phúc	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
44	15.206	Công nghệ	Lê Minh	Trung	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
45	15.040	Công nghệ	Lê Trần Anh	Đức	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Nhì
46	15.176	Công nghệ	Chu Tiến	Thành	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
47	15.167	Công nghệ	Nguyễn Văn	Quỳnh	21	8	2003	Bắc Giang	9/6	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	Nhì
48	15.227	Công nghệ	Thang Kim	Yên	10	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
49	15.022	Công nghệ	Đặng Phước	Cường	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhì
50	15.003	Công nghệ	Lê Quốc	An	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhì
51	15.101	Công nghệ	Nguyễn Anh	Kiệt	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	Nhì
52	15.152	Công nghệ	Nguyễn Hoàng Thanh	Phúc	19	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
53	15.214	Công nghệ	Huỳnh Vũ Tuấn	Tú	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì
54	15.163	Công nghệ	Phạm Thị Phương	Quyên	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Nhì
55	15.115	Công nghệ	Lê Phúc	Lộc	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhì
56	15.201	Công nghệ	Huỳnh Trọng	Tín	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhì
57	15.031	Công nghệ	Nguyễn Thị	Đài	26	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.6	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	Nhì
58	15.036	Công nghệ	Trần Huỳnh Duy	Đăng	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
59	15.065	Công nghệ	Huỳnh Triết	Hoàng	28	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Nhì
60	15.004	Công nghệ	Võ Thành	An	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Tân Phú	QUẬN 9	Nhì
61	15.012	Công nghệ	Thiều Quang Tuấn	Anh	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
62	15.082	Công nghệ	Nguyễn Thị Thúy	Hường	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phước Lộc	NHÀ BÈ	Ba
63	15.171	Công nghệ	Phan Hồng	Tân	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
64	15.139	Công nghệ	Nguyễn Xuân	NgoC	27	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Ba
65	15.149	Công nghệ	Trần Kiệt	Phong	12	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
66	15.005	Công nghệ	Võ Hoàng Bảo	Anh	14	2	2003	Trà Vinh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
67	15.017	Công nghệ	Bùi Hồng	Bảo	31	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.5	THCS Lý Thường Kiệt	TÂN BÌNH	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
68	15.056	Công nghệ	Trần Ngọc Kim	Hiếu	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Văn Trỗi	QUẬN 2	Ba
69	15.100	Công nghệ	Trương Minh	Kiên	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
70	15.078	Công nghệ	Ung Phú	Hưng	18	5	2003	Quảng Ngãi	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
71	15.083	Công nghệ	Nguyễn Hoàng Minh	Kha	20	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Ba
72	15.228	Công nghệ	Lữ Mỹ	Yến	8	3	2003		9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
73	15.072	Công nghệ	Nguyễn Quốc	Huy	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
74	15.088	Công nghệ	Phạm Gia	Khang	12	12	2003	Khánh Hòa	9/6	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
75	15.098	Công nghệ	Xà Tấn	Khoa	8	10	2003	Bến Tre	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Ba
76	15.028	Công nghệ	Nguyễn Trọng	Duy	26	5	2003	Tr- bằng	9A1	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	Ba
77	15.095	Công nghệ	Hoàng Xuân	Khánh	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
78	15.110	Công nghệ	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	9	6	2003	Hà Tây	9A12	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
79	15.154	Công nghệ	Khổng Mỹ	Phương	16	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
80	15.178	Công nghệ	Trương Xuân	Thành	4	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Ba
81	15.006	Công nghệ	Nguyễn Khắc Hoàng	Anh	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
82	15.013	Công nghệ	Phan Lê Hồng	Ánh	30	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
83	15.133	Công nghệ	Phạm Nguyễn HoàNg	Ngân	20	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
84	15.014	Công nghệ	Ngô Ngọc Hồng	Ân	5	6	2003	Bà Rịa - VT	9/6	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Ba
85	15.066	Công nghệ	Trương Đình	Huy	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Ba
86	15.007	Công nghệ	Nguyễn Hồng	Anh	1	7	2003	Đồng Nai	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
87	15.097	Công nghệ	Trần Anh	Khoa	6	3	2003	Bình Dương	9A4	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	Ba
88	15.221	Công nghệ	Huỳnh Quang	Việt	22	5	2003	Tiền Giang	9A2	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
89	15.120	Công nghệ	Dương Quý	Mi	10	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
90	15.162	Công nghệ	Hoàng Khánh Bảo	Quyên	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Văn Lang	QUẬN 1	Ba
91	15.168	Công nghệ	Đỗ Ngọc	Son	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
92	15.185	Công nghệ	Võ Hoàng Minh	Thông	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.3	THCS An Lạc	BÌNH TÂN	Ba
93	15.128	Công nghệ	Nguyễn Hữu	Nam	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
94	15.170	Công nghệ	Nguyễn Trường	Tâm	11	6	2003	Thừa Thiên-Huế	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
95	15.054	Công nghệ	Nguyễn Thị	Hiền	30	7	2003	Đồng Nai	9A7	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Ba
96	15.193	Công nghệ	Lê Châu Uyên	Thư	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Ba
97	15.132	Công nghệ	Trịnh Thị Thúy	Nga	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
98	15.196	Công nghệ	Trần Hoàng	Tiến	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Ba
99	15.134	Công nghệ	Tào Thị Hồng	Ngân	13	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Ba
100	15.068	Công nghệ	Trần Hào	Huy	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.6	THCS Huỳnh Văn Nghệ	BÌNH TÂN	Ba
101	15.137	Công nghệ	Phan Ngọc Thảo	Ngân	14	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
102	15.061	Công nghệ	Nguyễn Tú	Hoa	3	6	2003	Bình Phước	9.6	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
103	15.011	Công nghệ	Cao Lâm Tuấn	Anh	18	1	2003	Gia Lai	9/7	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Ba
104	15.130	Công nghệ	Đinh Nguyễn Phương	Nam	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
105	15.027	Công nghệ	Lương Nguyễn Phương	Duy	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
106	15.064	Công nghệ	Lê Hữu	Hoàng	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Ba
107	15.175	Công nghệ	Nguyễn Thiện	Thành	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Ba
108	15.131	Công nghệ	Lê Thành	Nam	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
109	15.150	Công nghệ	Lê Xuân Hoàng	Phúc	10	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Ba
110	15.119	Công nghệ	Lưu Phước	Mạnh	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Ba
111	15.042	Công nghệ	Nguyễn Trường	Giang	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	Ba
112	15.089	Công nghệ	Trần Hà	Khang	15	8	2003		9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
113	15.091	Công nghệ	Lê Gia	Khánh	22	12	2003	Thừa Thiên-Huế	9A7	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	Ba
114	15.034	Công nghệ	Tô Hữu	Đạt	9	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	Ba
115	15.044	Công nghệ	Nguyễn Minh	Hải	17	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Ba
116	15.216	Công nghệ	Mai Minh	Tuấn	10	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
117	15.192	Công nghệ	Đặng Nguyễn Anh	Thư	19	4	2003		9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
118	15.092	Công nghệ	Hồ Minh	Khánh	29	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
119	15.002	Công nghệ	Hồ Hữu	An	29	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
120	15.046	Công nghệ	Quảng Trọng Huỳnh Phư	Hải	26	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	Ba
121	15.125	Công nghệ	Nguyễn Công Nhật	Minh	5	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
122	15.127	Công nghệ	Võ Hoàng	Nam	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Tân Thạnh Tây	CỦ CHI	Ba
123	15.160	Công nghệ	Trần Minh	Quý	17	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
124	08.233	Địa	Nguyễn Hoàng Diễm	Phương	8	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhất
125	08.219	Địa	Tất Tân	Phát	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Nhất
126	08.232	Địa	Nguyễn Thị Bích	Phương	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	Nhất
127	08.236	Địa	Nguyễn Lê Khánh	Phương	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
128	08.149	Địa	Lê Quý Di	Luân	28	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Nhất
129	08.287	Địa	Nguyễn Cao Nhật	Thủy	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhất
130	08.040	Địa	Cao Lê	Chung	10	10	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
131	08.050	Địa	Mai Thái Anh	Duy	13	8	2003	Long An	9A2	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	Nhất
132	08.335	Địa	Trần Đỗ Phương	Uyên	30	10	2003	Hà Nội	9/2	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhất
133	08.018	Địa	Phạm Ngọc Mỹ	Anh	30	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.3	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	Nhất
134	08.071	Địa	Nguyễn Hoàng Nhật	Đông	29	8	2002	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Nhất
135	08.194	Địa	Nguyễn Trần Thanh	Nhã	21	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	99	THCS Colette	QUẬN 3	Nhất
136	08.292	Địa	Nguyễn Anh	Thư	18	5	2003	Đà Nẵng	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhất
137	08.029	Địa	Nguyễn Huy	Bảo	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
138	08.147	Địa	Lương Thị Tú	Linh	15	5	2003	Tiền Giang	9.1	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Nhất
139	08.161	Địa	Trần Huy	Minh	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhất
140	08.193	Địa	Lê Trần Thục	Nguyên	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Nhất
141	08.202	Địa	Thị Thị Hồng	Nhi	24	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhất
142	08.234	Địa	Nguyễn Hà	Phương	8	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhất
143	08.235	Địa	Hoàng Khánh	Phương	2	1	2003	Thanh Hóa	9/5	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Nhất
144	08.238	Địa	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	16	3	2003	Gia Lai	9A3	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Nhất
145	08.285	Địa	Nguyễn Ngọc	Thùy	31	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Nhất
146	08.316	Địa	Nguyễn Thị Bích	Trân	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhất
147	08.026	Địa	Nguyễn Hồng	Ánh	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhất
148	08.104	Địa	Triệu Viêt	Huy	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Nhất
149	08.190	Địa	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	24	10	2003	Vĩnh Phúc	9/2	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhất
150	08.228	Địa	Nguyễn Minh	Phúc	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhất
151	08.240	Địa	Hoàng Bích	Phượng	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
152	08.280	Địa	Đoàn Cẩm	Thơ	10	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Nhất
153	08.279	Địa	Nguyễn Phù Vân	Thiên	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Nhì
154	08.322	Địa	Phan Hoàng	Trúc	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
155	08.002	Địa	Phan Thị	ÁNH	29	12	2003	Nam Định	9A3	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Nhì
156	08.057	Địa	Võ Kiều	Duyên	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Bình Quới Tây	BÌNH THẠNH	Nhì
157	08.073	Địa	Phạm Trí	Đức	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
158	08.153	Địa	Lương Gia	Mẫn	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
159	08.205	Địa	Lê Thị Ngọc	Nhi	29	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	Nhì
160	08.210	Địa	Nguyễn Thị Yên	Nhi	27	10	2003	Hà Nội	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	Nhì
161	08.250	Địa	Dương Thị Diễm	Quỳnh	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Nhì
162	08.288	Địa	Huỳnh Ngọc Xuân	Thúy	26	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	Nhì
163	08.321	Địa	Trần Mai	Trình	29	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Thái Văn Lung	THỦ ĐỨC	Nhì
164	08.361	Địa	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	23	1			9	THCS Nguyễn Trãi	QUẬN 9	Nhì
165	08.027	Địa	Đặng Ngọc	Ánh	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Nhì
166	08.079	Địa	Phạm Duy Khánh	Hà	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
167	08.152	Địa	Bùi Thị	Mai	27	4	2003	Thanh Hóa	9/1	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	Nhì
168	08.158	Địa	Nguyễn Hoàng Đức	Minh	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
169	08.216	Địa	Dương Nguyễn Quỳnh	Như	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
170	08.237	Địa	Nguyễn Ngọc Minh	Phương	25	1	2003	Bến Tre	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Nhì
171	08.251	Địa	Hoàng Thị Diệu	Quỳnh	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
172	08.293	Địa	Kiều Vạn Anh	Thư	18	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
173	08.328	Địa	Trần Bảo	Trung	5	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhì
174	08.044	Địa	Lê Thị Phương	Diễm	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Nhì
175	08.058	Địa	Huỳnh Bảo Minh	Duyên	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_03	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
176	08.060	Địa	Lưu Hà Thùy	Dương	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.5	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Nhì
177	08.245	Địa	Nghiêm Minh	Quân	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Nhì
178	08.247	Địa	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	24	12	2003	Long An	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhì
179	08.022	Địa	Hoa Quê	Anh	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đào Duy Anh	PHÚ NHUẬN	Nhì
180	08.038	Địa	Nguyễn Mỹ	Chi	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
181	08.039	Địa	Nguyễn Thị Thuý	Chi	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Nhì
182	08.043	Địa	Lương Ngọc	Diễm	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Chi Lăng	QUẬN 4	Nhì
183	08.129	Địa	Nguyễn Thị Thiên	Kim	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
184	08.214	Địa	Trần Ngọc Khánh	Như	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
185	08.266	Địa	Đỗ Nhật	Thái	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
186	08.268	Địa	Trần Châu	Thanh	6	12	2003	Quảng Nam	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
187	08.323	Địa	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Âu Lạc	TÂN BÌNH	Nhì
188	08.354	Địa	Trần Thị Bào	Yên	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì
189	08.007	Địa	Vương Nguyễn Thùy	An	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	Nhì
190	08.061	Địa	Nguyễn Thùy	Dương	13	1	2003	Bình Dương	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Nhì
191	08.086	Địa	Nguyễn Thúy	Hằng	1	10	2003	Bình Định	9/15	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
192	08.091	Địa	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	16	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Nhì
193	08.109	Địa	Phạm Thị Thu	Hương	1	6	2003	Nam Định	9/1	THCS Phan Công Hớn	HÓC MÔN	Nhì
194	08.141	Địa	Nguyễn Thị Hà	Linh	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_12	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
195	08.155	Địa	Giang Tiêu	Mi	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	Nhì
196	08.159	Địa	Trịnh Hoàng	Minh	30	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Nhì
197	08.164	Địa	Phan Thảo	My	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phan Sào Nam	QUẬN 3	Nhì
198	08.181	Địa	Nguyễn Thị Xuân	Ngân	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
199	08.206	Địa	Gíp Tâm	Nhì	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Nhì
200	08.241	Địa	Phạm Nguyễn Minh	Quang	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
201	08.242	Địa	Hoàng Trung	Quang	20	3	2003	Tây Ninh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
202	08.249	Địa	Lê Diễm	Quỳnh	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhì
203	08.294	Địa	Võ Anh	Thư	8	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
204	08.304	Địa	Phạm Vương Thanh	Toàn	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
205	08.311	Địa	Đỗ Thị Thùy	Trang	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Nhì
206	08.015	Địa	Lê Minh	Anh	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
207	08.025	Địa	Nguyễn Thùy Vân	Anh	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
208	08.074	Địa	Trần Hương	Giang	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
209	08.075	Địa	Đỗ Thùy	Giang	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Âu Lạc	TÂN BÌNH	Nhì
210	08.119	Địa	Phạm Hoàng	Khánh	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
211	08.124	Địa	Hoàng Anh Lam	Khôi	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
212	08.154	Địa	Bùi Trần Hà	Mi	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Nhì
213	08.192	Địa	Lưu Nguyễn Thảo	Nguyên	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Long Bình	QUẬN 9	Nhì
214	08.204	Địa	Phạm Trương Mỹ	Nhi	10	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Nhì
215	08.239	Địa	Lê Thanh	Phương	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Nhì
216	08.261	Địa	Phạm Thị Thanh	Tâm	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
217	08.359	Địa	Choi Bo	Young	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Nhì
218	08.031	Địa	Nguyễn Thị	Bích	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
219	08.037	Địa	Nguyễn Thị Kim	Chi	9	9	2003	Bến Tre	9.13	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	Ba
220	08.049	Địa	Nguyễn Việt	Dũng	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Ba
221	08.081	Địa	Lê Ngọc Thanh	Hà	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
222	08.167	Địa	Đỗ Thị Thúy	Nga	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phan Sào Nam	QUẬN 3	Ba
223	08.209	Địa	Thái Hoàng Uyên	Nhi	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Ba
224	08.248	Địa	Âu Gia	Quyền	3	6	2003	Đà Nẵng	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Ba
225	08.257	Địa	Trần Thanh	Son	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
226	08.286	Địa	Phạm Thị Phương	Thùy	22	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
227	08.317	Địa	Lê Quách Đan	Trân	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
228	08.320	Địa	Trần Huỳnh Ngọc	Trân	7	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Ba
229	08.357	Địa	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	14	8	2003	Long An	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Ba
230	08.062	Địa	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Ba
231	08.067	Địa	Võ Phạm Giang	ĐiNh	26	9	2003	Cần Thơ	9/6	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
232	08.070	Địa	Thái Chấn	Đông	3	9	2003	Sóc Trăng	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	Ba
233	08.084	Địa	Trần Tú	Hào	24	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
234	08.117	Địa	Trương Hà	Khanh	28	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	99	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
235	08.145	Địa	Lê Hồ Trúc	Linh	12	11	2003	Đồng Tháp	9A2	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Ba
236	08.191	Địa	Trần Thị Như	Ngọc	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Ba
237	08.203	Địa	Nguyễn Bùi Mẫn	Nhi	5	7	2003		9/2	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
238	08.211	Địa	Phạm Thị Yến	Nhi	5	4	2003	Mang Thít, Vĩnh Long	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
239	08.215	Địa	Nguyễn Triệu Mỹ	Như	20	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
240	08.220	Địa	Nguyễn Lê Tuấn	Phát	18	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
241	08.244	Địa	Tiêu Lệ	Quân	29	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
242	08.255	Địa	Vũ Phương	Quỳnh	11	6	2003	Nam Định	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
243	08.274	Địa	Lê Phạm Phương	Thảo	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
244	08.277	Địa	Võ Thị Hồng	Thắm	4	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	Ba
245	08.283	Địa	Trần Ninh	Thuận	6	2	2003	Bình Dương	9/2	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Ba
246	08.290	Địa	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
247	08.325	Địa	Vũ Ngọc Thanh	Trúc	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
248	08.327	Địa	Phạm Thị Thuỷ	Trúc	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
249	08.336	Địa	Lê Thị Phương	Uyên	3	11	2002	Nghệ An	9/2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Ba
250	08.345	Địa	Trương Ngọc	Vy	26	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
251	08.351	Địa	Võ Thị Yến	Vy	30	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
252	08.010	Địa	Phạm Thị Châu	Anh	23	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Ba
253	08.020	Địa	Nguyễn Phương	Anh	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Ba
254	08.042	Địa	Nguyễn Tiến	Danh	4	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
255	08.077	Địa	Doãn Ngọc Trúc	Giang	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
256	08.082	Địa	Đặng Thu	Hà	21	10	2003	Bắc Giang	9/3	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	Ba
257	08.096	Địa	Phạm Bảo	Hoàng	3	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
258	08.132	Địa	Vương Thị Ngọc	Lam	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
259	08.146	Địa	Huỳnh Lê Trúc	Linh	16	5	2003	Trạm y tế TT. Cai Lậy	9/6	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Ba
260	08.218	Địa	Lê Nguyễn Tường	Oanh	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS An Lạc	BÌNH TÂN	Ba
261	08.225	Địa	Ngô Hoàng	Phúc	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
262	08.256	Địa	Lâm Thị Ngọc	Sang	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
263	08.264	Địa	Lê Xuân	Tân	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	Ba
264	08.278	Địa	Nguyễn Thị Kiều	Thi	7	6	2003	Tây Ninh	9a1	THCS Phạm Văn Cội	CỦ CHI	Ba
265	08.329	Địa	Trần Nguyễn Khả	Tú	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
266	08.004	Địa	Phạm Dương Quế	An	10	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Chi Lăng	QUẬN 4	Ba
267	08.011	Địa	Cao Duy	Anh	4	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	Ba
268	08.045	Địa	Vũ Thanh	Doan	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Ba
269	08.053	Địa	Tăng Vũ Hoàng	Duy	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Đông	QUẬN 8	Ba
270	08.059	Địa	Đỗ Ngọc Mỹ	Duyên	16	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	Ba
271	08.093	Địa	Nguyễn Vũ Diệu	Hiền	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
272	08.120	Địa	Nguyễn Đoàn Anh	Khoa	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
273	08.127	Địa	Lê Vũ	Kiệt	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
274	08.139	Địa	Nguon Gia	Linh	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
275	08.140	Địa	Lê Ngọc Hà	Linh	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
276	08.142	Địa	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	8	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
277	08.165	Địa	Trần Thảo	My	10	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
278	08.196	Địa	Võ Hoàng	Nhân	22	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
279	08.201	Địa	Hà Nguyễn Hoàng	Nhi	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
280	08.297	Địa	Bùi Thụy Minh	Thư	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
281	08.313	Địa	Nguyễn Ngọc	Trâm	10	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Bình An	QUẬN 8	Ba
282	08.330	Địa	Phạm Lê Thanh	Tú	12	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
283	08.331	Địa	Lê Huỳnh Minh	Tuấn	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Long Bình	QUẬN 9	Ba
284	08.332	Địa	Giang Ánh	Tuyền	11	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
285	08.334	Địa	Nguyễn Thị Hà	Uyên	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
286	08.023	Địa	Lưu Vũ Song	Anh	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
287	08.072	Địa	Lương Đại	Đức	9	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
288	08.110	Địa	Chung Minh Gia	Hy	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
289	08.122	Địa	Nguyễn Phước Minh	Khoa	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
290	08.126	Địa	Nguyễn Tuấn	Kiệt	20	11	2002	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Ba
291	08.157	Địa	Trần Ngọc Ánh	Minh	15	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9H3	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba
292	08.273	Địa	Trương Thị Mỹ	Thảo	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Ba
293	08.301	Địa	Đoàn Cẩm	Thy	10	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
294	08.342	Địa	Lê Hồng	Vy	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
295	08.344	Địa	Hà Linh	Vy	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	Ba
296	08.347	Địa	Trần Thanh	Vy	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
297	08.355	Địa	Nguyễn Thị Hải	Yến	17	12	2003	Thừa Thiên-Huế	9A2	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Ba
298	08.108	Địa	Đinh Thị	Hương	7	11	2002	Ninh Bình	9/5	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Ba
299	08.143	Địa	Võ Thùy Phương	Linh	18	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Âu Lạc	TÂN BÌNH	Ba
300	08.160	Địa	Lương Hồng	Minh	12	12	2003	Bà Rịa - VT	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Ba
301	08.197	Địa	Nguyễn Hoàng	Nhân	4	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Ba
302	08.208	Địa	Lê Thanh Thảo	Nhi	18	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
303	08.227	Địa	Nguyễn Minh	Phúc	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	QUẬN 2	Ba
304	08.267	Địa	Nguyễn Quang	Thái	19	9	2003	Lâm Đồng	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
305	08.302	Địa	Quách Mai	Thy	9	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
306	08.314	Địa	Trần Thị Ngọc	Trâm	7	10	2003	Bình Thuận	9/7	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	Ba
307	03.199	Hóa	Nguyễn Đăng	Nghĩa	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhất
308	03.340	Hóa	Nguyễn Minh	Trí	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
309	03.178	Hóa	Lê Hoàng	Minh	15	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
310	03.189	Hóa	Phạm Hà Bảo	Ngân	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
311	03.122	Hóa	Huỳnh Võ	Huy	9	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
312	03.235	Hóa	Lê Bá	Phong	9	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
313	03.083	Hóa	Võ Đức Hồng	Hải	12	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 4	Nhất
314	03.125	Hóa	Ngô Gia	Hung	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
315	03.342	Hóa	Trần Minh	Triết	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
316	03.117	Hóa	Nguyễn Đức	Huy	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất
317	03.336	Hóa	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
318	03.187	Hóa	Thái Dương Phương	Nam	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhất
319	03.209	Hóa	Cao Võ Bảo	Nguyên	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
320	03.119	Hóa	Đặng Minh	Huy	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhất
321	03.147	Hóa	Nguyễn Trần	Khôi	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Huy Liệu	PHÚ NHUẬN	Nhất
322	03.278	Hóa	Bùi Quang	Thái	30	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a14	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhất
323	03.333	Hóa	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhất
324	03.343	Hóa	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	5	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhất
325	03.020	Hóa	Nguyễn Ngọc Tường	Anh	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Nhất
326	03.062	Hóa	Nguyễn Minh	Duy	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a14	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhất
327	03.173	Hóa	Võ Văn	Luân	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
328	03.183	Hóa	Trần Tuấn	Minh	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
329	03.283	Hóa	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhất
330	03.293	Hóa	Đào Văn	Thắng	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
331	03.330	Hóa	Nguyễn Vũ Thu	Trang	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
332	03.093	Hóa	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhất
333	03.163	Hóa	Đinh Thanh Huyền	Linh	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
334	03.208	Hóa	Nguyễn Thảo	Ngọc	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhất
335	03.297	Hóa	Nguyễn Khương	Thịnh	28	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhất
336	03.376	Hóa	Phan Phương	Vy	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
337	03.149	Hóa	Phạm Trần Lan	Khuê	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
338	03.157	Hóa	Huỳnh Ngọc Hải	Lam	10	1	2003	Quảng Nam	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhất
339	03.290	Hóa	Phan Phương	Thảo	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
340	03.323	Hóa	Ngô Trương Chí	Toàn	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Nhì
341	03.045	Hóa	Huỳnh Công	Danh	2	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
342	03.066	Hóa	Huỳnh Hải	Dương	11	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
343	03.006	Hóa	Phan Hoàng	Anh	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
344	03.009	Hóa	Nguyễn Trần Phước	Anh	11	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Nhì
345	03.277	Hóa	Đào Thanh	Tân	10	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
346	03.090	Hóa	Phương Bích	Hằng	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
347	03.143	Hóa	Phan Hoàng	Khôi	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
348	03.164	Hóa	Nguyễn Mai Khánh	Linh	30	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
349	03.010	Hóa	Hoàng Phương	Anh	11	2	2003	Nghệ An	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
350	03.231	Hóa	Tô Quỳnh	Như	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhì
351	03.355	Hóa	Lâm Nguyễn Quang	Tuệ	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
352	03.085	Hóa	Trần Phạm Minh	Hạnh	12	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	Nhì
353	03.129	Hóa	Vương Bảo	Khang	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
354	03.156	Hóa	Nguyễn Đình	Ký	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
355	03.243	Hóa	Nguyễn Lê Tấn	Phúc	18	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Nhì
356	03.334	Hóa	Hoàng Quỳnh Bảo	Trâm	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
357	03.025	Hóa	Nguyễn Vũ	Bách	8	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
358	03.067	Hóa	Nguyễn Đức Thái	Dương	19	4	2003	Liên Bang Nga	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
359	03.074	Hóa	Châu Thiên	Đạt	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
360	03.077	Hóa	Vương Kiến	Đức	9	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
361	03.159	Hóa	Trần Thanh	Lan	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
362	03.019	Hóa	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
363	03.216	Hóa	Trần Hà Minh	Nhật	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tân An Hội	CỦ CHI	Nhì
364	03.371	Hóa	Võ Nguyễn Chí Hùng	Vinh	3	2	2003	Phú Yên	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
365	03.385	Hóa	Cao Ngọc Như	Ý	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhì
366	03.086	Hóa	Nguyễn Gia	Hào	24	1	2003	Phú Yên	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
367	03.104	Hóa	Đỗ Chí	Hiếu	21	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
368	03.155	Hóa	Hồ Nguyễn Thiên	Kim	18	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
369	03.014	Hóa	Nguyễn Thúy	Anh	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
370	03.177	Hóa	Đỗ Hoàng	Minh	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Nhì
371	03.182	Hóa	Phạm Võ Quang	Minh	26	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
372	03.281	Hóa	Quách Hoàng Ngọc	Thanh	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì
373	03.300	Hóa	Huỳnh Lê Ngọc	Thông	24	9	2003	Quảng Ngãi	9A7	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Nhì
374	03.324	Hóa	Nguyễn Tiến	Toàn	9	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
375	03.353	Hóa	Bùi Ngọc	Tú	31	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhì
376	03.040	Hóa	Đậu Nguyễn	Cường	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì
377	03.099	Hóa	Tô Ngọc	Hân	1	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhì
378	03.142	Hóa	Nguyễn Lê Đình	Khôi	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
379	03.211	Hóa	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	1	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
380	03.214	Hóa	Lê Bảo Phúc	Nhân	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
381	03.033	Hóa	Nguyễn Thái	Bình	6	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
382	03.057	Hóa	Đào Đình	Duy	21	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
383	03.162	Hóa	Văn Thiên	Lâm	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
384	03.165	Hóa	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
385	03.175	Hóa	Vũ Bình	Minh	21	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
386	03.345	Hóa	Hoàng Anh	Trúc	14	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì
387	03.349	Hóa	Phạm Nhật Minh	Tú	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Nhì
388	03.360	Hóa	Phạm Lý Cát	Tường	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhì
389	03.061	Hóa	Nguyễn Mạnh	Duy	22	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a4	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
390	03.080	Hóa	Lương Nguyệt	Hà	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
391	03.084	Hóa	Nguyễn Phước	Hải	1	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Nhì
392	03.120	Hóa	Trương Nguyễn Quang	Huy	7	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Lý Thường Kiệt	TÂN BÌNH	Nhì
393	03.168	Hóa	Tạ Y	Linh	14	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
394	03.229	Hóa	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	9	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
395	03.105	Hóa	Lê Trần	Hiếu	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
396	03.126	Hóa	Phạm Minh	Hưng	11	4	2003	Hải Phòng	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
397	03.193	Hóa	Trần Kim	Ngân	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
398	03.200	Hóa	Trần Ánh	Ngọc	6	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhì
399	03.254	Hóa	Vũ Ngọc	Phượng	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Nhì
400	03.259	Hóa	Trần Nguyễn Minh	Quân	1	1	2003	Phú Yên	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
401	03.279	Hóa	Nguyễn Võ An	Thanh	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
402	03.326	Hóa	Lương Ngọc	Trai	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
403	03.327	Hóa	Văn Thành	Trai	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
404	03.069	Hóa	Hoàng Phan Minh	Dưỡng	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì
405	03.088	Hóa	Hồ Quang	Hào	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
406	03.096	Hóa	Trần Nguyễn Gia	Hân	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
407	03.133	Hóa	Nguyễn Vũ	Khang	3	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Nhì
408	03.135	Hóa	Nguyễn Kiều Bảo	Khánh	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Nhì
409	03.196	Hóa	Nguyễn Văn Tường	Nghi	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
410	03.238	Hóa	Lý Vĩ	Phong	28	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
411	03.331	Hóa	Phạm Thùy	Trang	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
412	03.138	Hóa	Đỗ Nguyễn Anh	Khoa	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
413	03.144	Hóa	Lê Minh	Khôi	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
414	03.181	Hóa	Trần Lê	Minh	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
415	03.185	Hóa	Mai Phùng Huyền	My	15	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
416	03.221	Hóa	Đặng Xuân	Nhi	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	Ba
417	03.226	Hóa	Nguyễn Đông Phương	Nhu	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
418	03.246	Hóa	Hồ Hồng	Phương	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
419	03.251	Hóa	Lê Nguyễn Uyên	Phương	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	Ba
420	03.260	Hóa	Đinh Vũ Minh	Quân	24	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
421	03.296	Hóa	Trương Sanh Gia	Thịnh	27	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
422	03.316	Hóa	Nguyễn Huỳnh Nhũ Y	Tiên	10	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thị Trấn	CỦ CHI	Ba
423	03.339	Hóa	Võ Hữu	Trí	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
424	03.356	Hóa	Huỳnh Bá	Tùng	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Ba
425	03.043	Hóa	Võ Việt	Cường	28	10	2003	Bình Dương	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
426	03.089	Hóa	Lâm Vĩ	Hào	10	6	2003	Bạc Liêu	9.1	THCS An Lạc	BÌNH TÂN	Ba
427	03.145	Hóa	Phạm Ngọc	Khôi	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
428	03.184	Hóa	Quách Thụy Hải	My	12	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
429	03.188	Hóa	Nguyễn Thành	Nam	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
430	03.190	Hóa	Lê Tấn Khánh	Ngân	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
431	03.197	Hóa	Nguyễn Vĩnh	Nghi	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
432	03.212	Hóa	Võ Chí	Nhân	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
433	03.220	Hóa	Nguyễn Tuyết	Nhi	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A17	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
434	03.222	Hóa	Trương Hoàng Yến	Nhi	7	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
435	03.263	Hóa	Nguyễn Văn	Quân	6	2	2003	Bắc Ninh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
436	03.304	Hóa	Phan Lê Anh	Thư	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Ba
437	03.311	Hóa	Vũ Đoàn Thanh	Thư	13	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Ba
438	03.341	Hóa	Trần Minh	Trí	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
439	03.344	Hóa	Nguyễn Đức	Trọng	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
440	03.107	Hóa	Đặng Ngô Trung	Hiếu	14	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Ba
441	03.018	Hóa	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	15	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
442	03.172	Hóa	Phan Lâm Vĩnh	Lộc	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
443	03.218	Hóa	Trần Nguyễn Minh	Nhật	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Ba
444	03.271	Hóa	Phan Thanh	Sang	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Thanh Đa	BÌNH THẠNH	Ba
445	03.372	Hóa	Trần Thế	Vinh	26	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9T2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Ba
446	03.379	Hóa	Nguyễn Trần Thuý	Vy	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	96	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
447	03.039	Hóa	Võ Chí	Cường	23	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.10	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Ba
448	03.076	Hóa	Nguyễn Công	Đức	12	5	2003	Thừa Thiên-Huế	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Ba
449	03.350	Hóa	Trương Đình Anh	Tú	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Ba
450	03.363	Hóa	Nguyễn Nho Châu	Uyên	14	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
451	03.053	Hóa	Đào Quang	Dũng	6	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
452	03.068	Hóa	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
453	03.087	Hóa	Huỳnh Tấn Nhật	Hào	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Ba
454	03.123	Hóa	Nguyễn Khánh	Huyền	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	Ba
455	03.007	Hóa	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	1	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
456	03.012	Hóa	Nguyễn Hồ Quỳnh	Anh	15	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
457	03.013	Hóa	Lê Quỳnh	Anh	24	4	2003	Thừa Thiên-Huế	9A1	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	Ba
458	03.240	Hóa	Lý Hồng	Phúc	22	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
459	03.249	Hóa	Trần Nguyễn Nam	Phương	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
460	03.298	Hóa	Bùi Đỗ Tấn	Thịnh	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Ba
461	03.325	Hóa	Hoàng Xuân	Toàn	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
462	03.035	Hóa	Phan Thái	Bình	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Ba
463	03.384	Hóa	Hà Mỹ	Xuyên	25	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
464	03.047	Hóa	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	1	1	2003	Bạc Liêu	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
465	03.174	Hóa	Đinh Ngô Ánh	Mai	1	3	2003	Kiên Giang	9.10	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Ba
466	03.201	Hóa	Bùi Bảo	Ngọc	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
467	03.205	Hóa	Hoàng Minh Như	Ngọc	14	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
468	03.207	Hóa	Lê Thanh	Ngọc	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	Ba
469	03.252	Hóa	Nguyễn Phạm Uyên	Phương	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
470	03.261	Hóa	Nguyễn Tấn Phương	Quân	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
471	03.313	Hóa	Phan Ngọc Bảo	Thy	18	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
472	03.332	Hóa	Vương Thị Thùy	Trang	8	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Ba
473	03.064	Hóa	Hồ Trung	Duy	27	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	QUẬN 2	Ba
474	03.100	Hóa	Trần Lê Yến	Hân	11	8	2003	Tiền Giang	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
475	03.111	Hóa	Phạm Huy	Hoàng	7	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
476	03.116	Hóa	Phan Đình	Huy	13	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
477	03.001	Hóa	Nguyễn Khúc Khánh	An	25	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	Ba
478	03.176	Hóa	Nguyễn Võ Công	Minh	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
479	03.270	Hóa	Nguyễn Phước	Sang	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
480	03.329	Hóa	Nguyễn Thu	Trang	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
481	03.026	Hóa	Nguyễn Duy	Bảo	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Ba
482	03.383	Hóa	Trần Ngọc Yến	Vy	28	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Tân Quý Tây	BÌNH CHÁNH	Ba
483	03.054	Hóa	Huỳnh Quang	Dũng	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
484	03.106	Hóa	Nguyễn Trọng	Hiếu	31	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
485	03.132	Hóa	Lê Vĩ	Khang	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	Ba
486	03.016	Hóa	Nguyễn Trọng	Anh	9	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.10	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Ba
487	03.195	Hóa	Hồ Lê Phương	Nghi	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A 1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
488	03.202	Hóa	Tường Bảo	Ngọc	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
489	03.286	Hóa	Huỳnh Công	Thành	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Ba
490	03.359	Hóa	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
491	03.032	Hóa	Võ Thị Ngọc	Bình	6	4	2003	Quảng Ngãi	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
492	03.369	Hóa	Huỳnh Thị Trúc	Vi	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
493	03.044	Hóa	Đào Xuân	Cường	10	6	2003	Nghệ An	9-3	THCS Đồng Đen	BÌNH CHÁNH	Ba
494	03.052	Hóa	Nguyễn Thu	Dung	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Ba
495	03.060	Hóa	Huỳnh Khánh	Duy	29	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
496	03.130	Hóa	Bùi Trần Minh	Khang	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba
497	03.167	Hóa	Nguyễn Thị Trúc	Linh	17	10	2003	Lâm Đồng	9/5	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
498	03.234	Hóa	Phạm Nhật	Phi	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
499	03.288	Hóa	Trần Kính	Thành	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
500	03.319	Hóa	Văn Cập	Tiến	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
501	03.050	Hóa	Thái Ngọc Mỹ	Dung	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
502	03.114	Hóa	Chế Đại	Hùng	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
503	03.121	Hóa	Nguyễn Thanh	Huy	30	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
504	13.300	Kiến thức THPT	Nguyễn Cát	Tường	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhất
505	13.107	Kiến thức THPT	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	4	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A20	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhất
506	13.142	Kiến thức THPT	Huỳnh Nhật	Nam	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhất
507	13.313	Kiến thức THPT	Lê Ngọc Thảo	Vy	4	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
508	13.026	Kiến thức THPT	Huỳnh Gia	Bảo	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.S3	TH, THCS, THPT Việt Úc	QUẬN 7	Nhất
509	13.208	Kiến thức THPT	HồNg Anh	Quân	22	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
510	13.045	Kiến thức THPT	Nguyễn Trí	Dũng	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
511	13.082	Kiến thức THPT	Đỗ Thị Mỹ	Hoa	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
512	13.095	Kiến thức THPT	Mai Nhật	Huy	8	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhất
513	13.222	Kiến thức THPT	Lý Mỹ	Quỳnh	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhất
514	13.220	Kiến thức THPT	Trần Thị Diễm	Quỳnh	10	6	2003	Quảng Ngãi	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhất
515	13.201	Kiến thức THPT	Lê Hoàng	Phúc	30	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhất
516	13.219	Kiến thức THPT	Phạm Diễm	Quỳnh	26	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất
517	13.090	Kiến thức THPT	Nguyễn Lâm Gia	Huy	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS SƠN	GÒ VẤP	Nhất
518	13.123	Kiến thức THPT	Đặng Thị Ngọc	Lan	9	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
519	13.301	Kiến thức THPT	Trần Minh	Tường	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất
520	13.197	Kiến thức THPT	Vũ Công	Phan	14	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Nhất
521	13.211	Kiến thức THPT	Hồ Tấn Minh	Quân	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhất
522	13.221	Kiến thức THPT	Khúc Hải	Quỳnh	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
523	13.060	Kiến thức THPT	Nguyễn Thành	Đạt	30	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Trần Phú	QUẬN 10	Nhất
524	13.001	Kiến thức THPT	Lê Quốc	An	21	4	2003	Bình Dương	9/7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 12	Nhất
525	13.088	Kiến thức THPT	Nguyễn Duy Tấn	Hùng	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Nhất
526	13.121	Kiến thức THPT	Vũ Ngọc Thiên	Kim	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Nhất
527	13.271	Kiến thức THPT	Nguyễn Minh	Tiến	22	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất
528	13.124	Kiến thức THPT	Trần Tùng	Lâm	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhất
529	13.228	Kiến thức THPT	Phạm Hồng My	Sa	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Nhất
530	13.247	Kiến thức THPT	Nguyễn Chánh	Thi	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhất
531	13.270	Kiến thức THPT	Tăng Huỳnh Minh	Tiến	25	4	2003	Đồng Tháp	9A1	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Nhất
532	13.134	Kiến thức THPT	Lâm Vũ Gia	Mẫn	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Nhì
533	13.162	Kiến thức THPT	Ngô Thảo	Nguyên	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Đồng Khởi	QUẬN 1	Nhì
534	13.156	Kiến thức THPT	Phạm Xuân	Nghi	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhì
535	13.294	Kiến thức THPT	Đặng Anh	Tuấn	4	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9T2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Nhì
536	13.305	Kiến thức THPT	Lê Trương Hải	Vân	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
537	13.308	Kiến thức THPT	Huỳnh Thanh	Vi	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
538	13.266	Kiến thức THPT	Nguyễn Tường	Thy	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Nhì
539	13.291	Kiến thức THPT	Mạc Tuấn	Trung	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A17	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
540	13.194	Kiến thức THPT	Cao Vũ Quỳnh	Như	15	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Nhì
541	13.285	Kiến thức THPT	Lâm Nguyễn Phương	Trinh	28	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Bình Quới Tây	BÌNH THẠNH	Nhì
542	13.070	Kiến thức THPT	Phan Bình	Hạo	14	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
543	13.122	Kiến thức THPT	Ngô Thiên	Kim	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhì
544	13.007	Kiến thức THPT	Trần Mai	Anh	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A18	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhì
545	13.163	Kiến thức THPT	Phan Trọng	Nguyên	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
546	13.042	Kiến thức THPT	Phạm Phương	Dung	27	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Nhì
547	13.018	Kiến thức THPT	Đặng Trung	Anh	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhì
548	13.137	Kiến thức THPT	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	26	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
549	13.053	Kiến thức THPT	Nguyễn Lê Hải	Dương	28	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Nhì
550	13.079	Kiến thức THPT	Giang Quế	Hân	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/01	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
551	13.196	Kiến thức THPT	Nguyễn Trần Tổ	Như	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Nhì
552	13.058	Kiến thức THPT	Huỳnh Võ Tấn	Đạt	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhì
553	13.168	Kiến thức THPT	Tôn Đức	Nhân	26	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
554	13.061	Kiến thức THPT	Châu Trường	Đạt	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhì
555	13.193	Kiến thức THPT	Tôn Nữ Quỳnh	Như	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhì
556	13.298	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Minh	Tuyền	3	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
557	13.089	Kiến thức THPT	Lâm Gia	Huy	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
558	13.207	Kiến thức THPT	Trần	Phương	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
559	13.086	Kiến thức THPT	Trương Sỹ	Hoàng	8	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhì
560	13.128	Kiến thức THPT	Cao Lê Trúc	Linh	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
561	13.118	Kiến thức THPT	Phạm Gia	Kiệt	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhì
562	13.119	Kiến thức THPT	Nguyễn Tăng Quốc	Kiệt	9	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
563	13.135	Kiến thức THPT	Nguyễn Thùy Hà	Minh	9	10	2003	Hà Nội	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhì
564	13.006	Kiến thức THPT	Đặng Nguyễn Mai	Anh	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
565	13.109	Kiến thức THPT	Lưu Anh	Khoa	6	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
566	13.234	Kiến thức THPT	Phan Đức	Tài	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Nhì
567	13.033	Kiến thức THPT	Trương Hải	Châu	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Nhì
568	13.328	Kiến thức THPT	Trần Minh	Yến	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	Nhì
569	13.167	Kiến thức THPT	Đặng Đức	Nhân	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Nhì
570	13.005	Kiến thức THPT	Nguyễn Tuyết Lan	Anh	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
571	13.227	Kiến thức THPT	Nguyễn Thúy	Quỳnh	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A15	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
572	13.246	Kiến thức THPT	Mai Chí	Thắng	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A15	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	Nhì
573	13.049	Kiến thức THPT	Lê Kim	Duyên	26	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Long Trường	QUẬN 9	Nhì
574	13.066	Kiến thức THPT	Đỗ Nguyễn Châu	Giang	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
575	13.152	Kiến thức THPT	Lê Đức Bảo	Nghi	26	4	2003	Quảng Nam	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhì
576	13.256	Kiến thức THPT	Hồ Nguyễn Minh	Thơ	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Lý Thường Kiệt	TÂN BÌNH	Nhì
577	13.020	Kiến thức THPT	Trần Võ Văn	Anh	22	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
578	13.068	Kiến thức THPT	Phạm Minh Hồng	Hạc	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Nhì
579	13.130	Kiến thức THPT	Sử Thành	Long	14	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-4	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
580	13.025	Kiến thức THPT	Nguyễn Xuân	Bách	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
581	13.169	Kiến thức THPT	Võ Thành	Nhân	9	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Tăng Bạt Hồ A	QUẬN 4	Nhì
582	13.262	Kiến thức THPT	Nguyễn Lê Anh	Thư	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Nhì
583	13.275	Kiến thức THPT	Nguyễn Đỗ Minh	Trang	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
584	13.151	Kiến thức THPT	Trần Thảo	Ngân	21	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
585	13.177	Kiến thức THPT	Trương Anh Phương	Nhi	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
586	13.212	Kiến thức THPT	Liên Hiệp	Quốc	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
587	13.205	Kiến thức THPT	Bùi Ngô Ngọc	Phương	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhì
588	13.315	Kiến thức THPT	Hồ Ngọc Thúy	Vy	9	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhì
589	13.319	Kiến thức THPT	Ngô Ngọc Tường	Vy	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Nhì
590	13.105	Kiến thức THPT	Trần Vương Mai	Khanh	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
591	13.202	Kiến thức THPT	Ngô Hoàng	Phúc	6	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Hiệp Bình	THỦ ĐỨC	Ba
592	13.050	Kiến thức THPT	Nguyễn Đặng Kỳ	Duyên	21	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
593	13.170	Kiến thức THPT	Hoàng Minh	Nhật	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
594	13.214	Kiến thức THPT	Nguyễn Diễm	Quỳnh	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
595	13.083	Kiến thức THPT	Quách Tuyết	Hoa	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
596	13.091	Kiến thức THPT	Trần Gia	Huy	14	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
597	13.140	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Trà	My	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Ba
598	13.009	Kiến thức THPT	Lê Phương	Anh	1	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
599	13.323	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Như	Ý	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Ba
600	13.019	Kiến thức THPT	Lê Trần Tú	Anh	18	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
601	13.044	Kiến thức THPT	Tôn Chí	Dũng	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
602	13.147	Kiến thức THPT	Huỳnh Kim	Ngân	28	1	2003	Bình Định	9/5	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
603	13.217	Kiến thức THPT	Lê Nguyễn Thảo	Quyên	2	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Ba
604	13.209	Kiến thức THPT	Nguyễn Hoàng	Quân	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
605	13.106	Kiến thức THPT	Trần Hoàng Bảo	Khánh	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Ba
606	13.310	Kiến thức THPT	Lại Hoàng Khánh	Vy	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
607	13.175	Kiến thức THPT	Trần Nguyên	Nhi	10	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	Ba
608	13.276	Kiến thức THPT	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	13	11	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Ba
609	13.284	Kiến thức THPT	Trương Công Quốc	Triệu	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Ba
610	13.103	Kiến thức THPT	Nguyễn Minh	Khang	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
611	13.250	Kiến thức THPT	Nguyễn Hữu	Thắng	19	8	2003	An Giang	9A8	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
612	13.022	Kiến thức THPT	Nguyễn Nhật	Ánh	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
613	13.036	Kiến thức THPT	Nguyễn Phương Thanh	Châu	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
614	13.102	Kiến thức THPT	Lê Huỳnh Công	Khải	24	4	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
615	13.117	Kiến thức THPT	Võ Nguyễn Trung	Kiên	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Ba
616	13.133	Kiến thức THPT	Hồ Quang	Lợi	5	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
617	13.002	Kiến thức THPT	Dương Thùy	An	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
618	13.184	Kiến thức THPT	Âu Bảo	Nhiên	2	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Ba
619	13.240	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Trang	Thanh	15	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
620	13.307	Kiến thức THPT	Lê Thị Phương	Vi	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
621	13.067	Kiến thức THPT	Bùi Ngọc	Hà	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
622	13.064	Kiến thức THPT	Trần Hải Dương	Đông	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	Ba
623	13.172	Kiến thức THPT	Đinh Nguyễn Bảo	Nhi	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
624	13.063	Kiến thức THPT	Phạm	Đinh	26	8	2003	Bà Rịa - VT	9A1	THCS Phú Hữu	QUẬN 9	Ba
625	13.038	Kiến thức THPT	Huỳnh Ngọc Phương	Chi	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
626	13.093	Kiến thức THPT	Lê Minh	Huy	15	5	1999	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
627	13.252	Kiến thức THPT	Thái Nghĩa	Thông	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
628	13.012	Kiến thức THPT	Hà Quỳnh	Anh	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
629	13.114	Kiến thức THPT	Nguyễn Minh	Khôi	18	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
630	13.138	Kiến thức THPT	Trần Ngọc	Minh	16	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
631	13.171	Kiến thức THPT	Nguyễn Minh	Nhật	22	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Ba
632	13.181	Kiến thức THPT	Nguyễn Bùi Thu	Nhi	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
633	13.187	Kiến thức THPT	Nguyễn Hồng	Nhung	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
634	13.188	Kiến thức THPT	Bùi Dương Bảo	Như	28	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Ba
635	13.261	Kiến thức THPT	Nguyễn Hà Anh	Thư	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
636	13.108	Kiến thức THPT	Nguyễn Phúc Lam	Khê	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
637	13.113	Kiến thức THPT	Bùi Đình	Khôi	29	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
638	13.195	Kiến thức THPT	Trần Tổ	Như	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
639	13.200	Kiến thức THPT	Đào Thị Cảnh	Phúc	26	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
640	13.269	Kiến thức THPT	Lê Ngọc Thủy	Tiên	2	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Ba
641	13.059	Kiến thức THPT	Lê Bá Thành	Đạt	5	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
642	13.199	Kiến thức THPT	Ngô Chiêu	Phú	14	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
643	13.011	Kiến thức THPT	Nguyễn Xuân Quý	Anh	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
644	13.028	Kiến thức THPT	Trương Quang Nguyệt	Bảo	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
645	13.218	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
646	13.014	Kiến thức THPT	Trần Tất	Anh	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Ba
647	13.280	Kiến thức THPT	Ôn Thủy Vân	Trang	9	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Ba
648	13.032	Kiến thức THPT	Đặng Nguyễn Bảo	Châu	26	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
649	13.052	Kiến thức THPT	Nguyễn Công	Dương	2	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
650	13.165	Kiến thức THPT	Lê Viết	Nguyên	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
651	13.278	Kiến thức THPT	Nguyễn Thị Thanh	Trang	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Ba
652	13.279	Kiến thức THPT	Lê Hoàng Thảo	Trang	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
653	13.154	Kiến thức THPT	Lê Nguyễn Thanh	Nghi	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Ba
654	13.257	Kiến thức THPT	Nguyễn Thị Mộng	Thu	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Ba
655	13.037	Kiến thức THPT	Lê Mai	Chi	8	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
656	13.084	Kiến thức THPT	Lê Thị Ngọc	Hòa	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
657	13.272	Kiến thức THPT	Đỗ	Toàn	17	6	2003	Bà Rịa - VT	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
658	13.085	Kiến thức THPT	Tô Duy Nguyên	Hoàng	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Ba
659	13.110	Kiến thức THPT	Đặng Hưng Đăng	Khoa	16	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
660	13.015	Kiến thức THPT	Nguyễn Thị Trâm	Anh	23	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Ba
661	13.254	Kiến thức THPT	Lê Gia	Thống	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Ba
662	13.295	Kiến thức THPT	Lê Anh	Tuấn	1	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
663	13.327	Kiến thức THPT	Huỳnh Hoàng	Yến	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A15	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	Ba
664	13.096	Kiến thức THPT	Nguyễn Phương	Huyền	5	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
665	13.304	Kiến thức THPT	Võ Hồng Thu	Uyên	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
666	13.047	Kiến thức THPT	Hoàng Minh	Duy	26	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
667	13.150	Kiến thức THPT	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	Ba
668	13.166	Kiến thức THPT	Trần Thanh	Nhã	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Ba
669	13.273	Kiến thức THPT	Nguyễn Thanh	Trà	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	Ba
670	13.224	Kiến thức THPT	Nghiêm Như	Quỳnh	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
671	13.302	Kiến thức THPT	Phạm Văn	Tường	22	9	2003	Bến Tre	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
672	13.010	Kiến thức THPT	Huỳnh Ngọc Phương	Anh	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	Ba
673	13.115	Kiến thức THPT	Nguyễn Trần Minh	Khôi	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Ba
674	13.318	Kiến thức THPT	Đỗ Ngọc Tường	Vy	7	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
675	13.075	Kiến thức THPT	Trần Ngọc Gia	Hân	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
676	13.268	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Quý	Tiên	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
677	02.268	Lý	Huỳnh Đình	Quang	16	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
678	02.354	Lý	Hồ Nguyễn Kỳ	Trung	2	1	2003	Đồng Nai	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
679	02.171	Lý	Đậu Nguyễn Hoàng	Long	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhất
680	02.311	Lý	Đặng Thành	Thông	30	4	2003	Hà Nội	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
681	02.380	Lý	Trần Đặng Lan	Vy	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
682	02.064	Lý	Vương Trọng	Đạt	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
683	02.202	Lý	Lã Thị Kiều	Ngân	18	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	QUẬN 12	Nhất
684	02.277	Lý	Đỗ Minh	Quân	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
685	02.017	Lý	Tăng Minh	Anh	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
686	02.037	Lý	Ngô Quốc	Bình	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất
687	02.038	Lý	Đặng Thanh	Bình	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
688	02.182	Lý	Trần Duy	Minh	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
689	02.325	Lý	Nguyễn Đỗ Khánh	Tiên	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
690	02.252	Lý	Trần Minh	Phúc	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhất
691	02.265	Lý	Dương Nguyễn Mỹ	Phượng	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhất
692	02.267	Lý	Vũ Châu Duy	Quang	31	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhất
693	02.166	Lý	Nguyễn Quang Nhất	Linh	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhất
694	02.176	Lý	Nguyễn Thành	Lợi	3	12	2003	Bình Định	9A9	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhất
695	02.329	Lý	Hồ Bình	Toàn	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhất
696	02.243	Lý	Nguyễn Quế	Phong	13	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
697	02.279	Lý	Phạm Minh	Quân	8	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
698	02.127	Lý	Lao Vĩnh	Khang	16	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhất
699	02.155	Lý	Hồng Minh	Kỳ	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhất
700	02.205	Lý	Tạ Nguyễn Kim	Ngân	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhất
701	02.241	Lý	Nguyễn Đỗ Thanh	Phát	16	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhất
702	02.253	Lý	Chung Ngọc	Phúc	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhất
703	02.286	Lý	Trần Văn	Sỹ	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhất
704	02.291	Lý	Nguyễn Nhật	Tân	12	7	2003	Quảng Ngãi	9/6	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Nhất
705	02.342	Lý	Đỗ Quốc	Trí	8	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhất
706	02.022	Lý	Nguyễn Tuấn	Anh	12	1	2003	An Giang	9A2	THCS Tân Phú	QUẬN 9	Nhất
707	02.113	Lý	Nguyễn Phú	Hưng	6	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
708	02.235	Lý	Phù Quý Quỳnh	Như	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
709	02.274	Lý	Lê Thúc Anh	Quân	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhất
710	02.327	Lý	Phạm Quang	Tiền	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhất
711	02.009	Lý	Nguyễn Vũ Thành	An	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/16	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Ch	QUẬN 3	Nhất
712	02.107	Lý	Huỳnh Hữu	Huy	4	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Phan Đăng Lưu	QUẬN 8	Nhất
713	02.128	Lý	Phùng Vĩnh	Khang	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
714	02.159	Lý	Dương Bá	Liên	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhất
715	02.293	Lý	Nguyễn Hoài	Thanh	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
716	02.370	Lý	Hoàng Quốc	Việt	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhất
717	02.023	Lý	Trần Tuấn	Anh	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
718	02.039	Lý	Hồ Thanh	Bình	5	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Nhì
719	02.105	Lý	Phạm Gia	Huy	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
720	02.191	Lý	Lê Tuấn	Minh	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
721	02.310	Lý	Phan Phước	Thịnh	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
722	02.364	Lý	Nguyễn Hồng	Văn	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
723	02.369	Lý	Phạm Lê	Việt	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhì
724	02.048	Lý	Phan Tiến	Dũng	16	2	2003	Đồng Nai	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhì
725	02.110	Lý	Phan Lê Quốc	Huy	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	Nhì
726	02.135	Lý	Nguyễn Hoàng Nhật	Khoa	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
727	02.183	Lý	Đinh Ngọc	Minh	12	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Nhì
728	02.052	Lý	Trần Nhật	Duy	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
729	02.170	Lý	Nguyễn Hoàng	Long	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
730	02.152	Lý	Lê Tuấn	Kiệt	19	7	2003	Tiền Giang	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Nhì
731	02.188	Lý	Triệu Nhật	Minh	8	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
732	02.198	Lý	Nguyễn Phương	Nam	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
733	02.337	Lý	Nguyễn Mỹ Huyền	Trân	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
734	02.343	Lý	Phạm Huỳnh Minh	Triết	8	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
735	02.375	Lý	Vũ Quang	Vinh	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
736	02.025	Lý	Cao Thị Vân	Anh	22	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
737	02.091	Lý	Huỳnh Công	Hòa	4	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
738	02.254	Lý	Lê Nguyên	Phúc	25	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
739	02.255	Lý	Lê Phú	Phúc	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
740	02.294	Lý	Trần Hoàng	Thanh	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
741	02.374	Lý	Nguyễn Phú	Vinh	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
742	02.379	Lý	Trần Phương Nguyên	Vũ	16	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
743	02.049	Lý	Huỳnh Gia	Duy	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
744	02.092	Lý	Mai Duy Thái	Hòa	23	9	2003	Lâm Đồng	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhì
745	02.111	Lý	Lưu Chấn	Hưng	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Thăng Long	QUẬN 3	Nhì
746	02.115	Lý	Trịnh Quang	Hưng	6	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
747	02.301	Lý	Phạm Đức	Thắng	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
748	02.372	Lý	Trần Hữu	Vinh	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
749	02.003	Lý	Nguyễn Khánh	An	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
750	02.030	Lý	Dương Danh Gia	Bảo	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
751	02.071	Lý	Nguyễn Minh	Đăng	13	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
752	02.130	Lý	Lê Nguyễn Ngọc	Khánh	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Nhì
753	02.179	Lý	Nguyễn Bùi Thanh	Mai	5	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhì
754	02.185	Lý	Nguyễn Thủy Ngọc	Minh	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Nhì
755	02.306	Lý	Nguyễn Hiền	Thi	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
756	02.307	Lý	Nguyễn Minh	Thi	14	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
757	02.336	Lý	Dương Thu	Trâm	25	4	2003		9/2	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Nhì
758	02.195	Lý	Nguyễn Hoài	Nam	20	9	2003	Hà Nội	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
759	02.263	Lý	Nguyễn Trần Mai	Phương	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Nhì
760	02.323	Lý	Nguyễn Hoàng Yên	Thy	16	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
761	02.043	Lý	Nguyễn Châu Vĩ	Cường	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
762	02.096	Lý	Ngô Công	Huân	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
763	02.163	Lý	Nguyễn Phương Khánh	Linh	8	6	2003	Thái Bình	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
764	02.227	Lý	Nguyễn Thị Phương	Nhi	16	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhì
765	02.001	Lý	Huỳnh Gia	An	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
766	02.006	Lý	Phạm Trầm Phúc	An	2	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
767	02.057	Lý	Trần Việt	Dương	3	8	2003	Ninh Bình	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
768	02.082	Lý	Phạm Hà Minh	Hạnh	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
769	02.099	Lý	Lưu Chấn	Huy	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Thăng Long	QUẬN 3	Nhì
770	02.141	Lý	Mã Hoàng	Khôi	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhì
771	02.162	Lý	Trần Gia	Linh	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
772	02.219	Lý	Nguyễn Hoàng Khôi	Nguyên	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Nhì
773	02.264	Lý	Bùi Lê Minh	Phương	10	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9B	THCS An Phú	QUẬN 2	Nhì
774	02.300	Lý	Phan Trần Vy	Thảo	26	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
775	02.305	Lý	Nguyễn Đức	Thị Nh	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Châu Văn Liêm	PHÚ NHUẬN	Nhì
776	02.333	Lý	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Nhì
777	02.015	Lý	Phạm Mai	Anh	22	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
778	02.161	Lý	Hoàng Võ Ánh	Linh	24	1	2003	Nghệ An	9/4	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	Nhì
779	02.250	Lý	Đỗ Hồng	Phúc	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhì
780	02.271	Lý	Lê Trần Nhật	Quang	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
781	02.353	Lý	Hà Kiên	Trung	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Nhì
782	02.021	Lý	Lê Khả Tuấn	Anh	6	8	2003	Thanh hóa	9A15	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	Nhì
783	02.044	Lý	Trần Hoàng	Dung	21	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
784	02.116	Lý	Trần Thị Quế	Hương	31	1	2003	Quảng Nam	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Nhì
785	02.134	Lý	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	28	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
786	02.144	Lý	Nguyễn Thanh	Khôi	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
787	02.146	Lý	Trần Bạch Ngọc	Khuê	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Bình Đông	QUẬN 8	Nhì
788	02.246	Lý	Nguyễn Hoàng	Phúc	12	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
789	02.251	Lý	Phan Lương Minh	Phúc	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	Nhì
790	02.261	Lý	Hoàng Hải	Phương	7	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9T2	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Nhì
791	02.275	Lý	Trần Anh	Quân	22	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
792	02.341	Lý	Đinh Minh	Trí	7	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Thăng Long	QUẬN 3	Nhì
793	02.019	Lý	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	15	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
794	02.026	Lý	Trần Ngọc Minh	Ánh	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Ba
795	02.045	Lý	Lương Quang	Dũng	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_05	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
796	02.047	Lý	Nguyễn Thanh	Dũng	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
797	02.055	Lý	Nguyễn Trọng Quý	Dương	28	1	2003	Bình Dương	9/9	THCS Trần Hưng Đạo	QUẬN 12	Ba
798	02.086	Lý	Nguyễn Minh	Hiền	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Đồng Khởi	QUẬN 1	Ba
799	02.133	Lý	Đào Nguyễn Đăng	Khoa	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	Ba
800	02.324	Lý	Lê Phạm Yến	Thy	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
801	02.054	Lý	Lê Trần Mỹ	Duyên	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
802	02.072	Lý	Trần Đại	Đồng	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Nguyễn Trãi	BÌNH TÂN	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
803	02.074	Lý	Nguyễn Minh	Đức	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
804	02.085	Lý	Trương Gia	Hân	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Ba
805	02.125	Lý	Nghiêm Gia	Khang	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
806	02.129	Lý	Lê Nguyễn Bảo	Khanh	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Văn Nghi	GÒ VẤP	Ba
807	02.215	Lý	Nguyễn Hồng	Ngọc	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
808	02.224	Lý	Đàm Tá Minh	Nhật	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A	THCS Nam Sài Gòn	QUẬN 7	Ba
809	02.236	Lý	Trương Hà Tuyết	Như	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
810	02.282	Lý	Hà Chí	Quyền	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
811	02.287	Lý	Lô Anh	Tâm	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
812	02.358	Lý	Lê Xuân	Trường	6	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
813	02.068	Lý	Trần Xuân	Đạt	13	10	2003	Thái Bình	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Ba
814	02.087	Lý	Trương Thuý	Hiền	23	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	Ba
815	02.101	Lý	Bùi Gia	Huy	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
816	02.140	Lý	Đỗ Hoàng	Khôi	13	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Ba
817	02.143	Lý	Vũ Quang	Khôi	2	9	2003	Đồng Nai	9A5	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
818	02.148	Lý	Nguyễn Mạnh	Khương	4	9	2003	Bến Tre	9/2	THCS Lê Văn Việt	THỦ ĐỨC	Ba
819	02.172	Lý	Trần Thành	Long	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Ba
820	02.283	Lý	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
821	02.288	Lý	Trần Hiếu	Tâm	7	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
822	02.014	Lý	Nguyễn Mai	Anh	30	3	2003	Nam Định	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
823	02.075	Lý	Vũ Minh	Đức	20	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Ba
824	02.126	Lý	Phan Tuấn	Khang	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
825	02.139	Lý	Đào Đức	Khôi	19	10	2003	Hà Nội	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
826	02.186	Lý	Nguyễn Đoàn Nguyệt	Minh	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Ba
827	02.209	Lý	Nguyễn Đại	Nghĩa	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
828	02.244	Lý	Nguyễn Thanh	Phong	7	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
829	02.256	Lý	Nguyễn Trọng	Phúc	17	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
830	02.281	Lý	Phan Văn Minh	Quốc	13	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
831	02.318	Lý	Lê Đoàn Minh	Thư	17	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
832	02.331	Lý	Lương Thế	Tổng	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	QUẬN 12	Ba
833	02.339	Lý	Nguyễn Minh	Trí	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
834	02.350	Lý	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
835	02.377	Lý	Đặng Trần	Vinh	30	12	2003	Bình Định	9A8	THCS Bình An	QUẬN 8	Ba
836	02.002	Lý	Vũ Gia	An	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Ba
837	02.033	Lý	Phạm Ngọc	Bảo	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
838	02.094	Lý	Trần Hữu Bảo	Hoàng	4	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
839	02.100	Lý	Hồ Đăng	Huy	6	12	2003	Thái Bình	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
840	02.177	Lý	Nguyễn Minh	Luân	15	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Ba
841	02.180	Lý	Nguyễn Thị Xuân	Mai	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.13	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	Ba
842	02.213	Lý	Nguyễn Bích	Ngọc	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
843	02.234	Lý	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh	QUẬN 11	Ba
844	02.239	Lý	Nguyễn Lê Kiều	Oanh	17	2	2003	Quảng Nam	9/1	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	Ba
845	02.280	Lý	Đỗ Quốc	Quân	23	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Ba
846	02.309	Lý	Vũ Đức	Thịnh	20	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Ba
847	02.330	Lý	Nguyễn Khánh	Toàn	23	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Ba
848	02.018	Lý	Trần Nguyễn Phương	Anh	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Ba
849	02.059	Lý	Nguyễn Tấn	Đạt	5	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
850	02.103	Lý	Hà Lương Gia	Huy	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Ba
851	02.145	Lý	Phạm Khắc Việt	Khôi	26	10	2003	Hà Nội	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
852	02.248	Lý	Nguyễn Hoàng	Phúc	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
853	02.270	Lý	Nguyễn Minh	Quang	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đống Đa	BÌNH THẠNH	Ba
854	02.371	Lý	Trần Quốc	Việt	23	8	2003	Hà Nam	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
855	02.011	Lý	Tạ Duy	Anh	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
856	02.036	Lý	Nguyễn Trương Quốc	Bảo	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
857	02.076	Lý	Nguyễn Tiến	Đức	12	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
858	02.120	Lý	Trương Minh	Khải	8	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
859	02.142	Lý	Lê Nhật Quang	Khôi	5	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
860	02.153	Lý	Trần Tuấn	Kiệt	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
861	02.181	Lý	Nguyễn Trần Châu	Minh	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Ba
862	02.207	Lý	Tạ Trần Gia	Nghi	29	11	2003	Kiên Giang	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
863	02.223	Lý	Phạm Trí	Nhân	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
864	02.232	Lý	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Ba
865	02.312	Lý	Nguyễn Bá	Thuật	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
866	02.314	Lý	Trịnh Thị Thanh	Thủy	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
867	02.359	Lý	Quan ÁNh	Tú	15	3	2003	Lâm Đồng	9A7	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Ba
868	02.367	Lý	Nguyễn Huỳnh Tường	Vi	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
869	02.041	Lý	Đỗ Thành	Công	10	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	Ba
870	02.073	Lý	Nguyễn Bùi Minh	Đức	26	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
871	02.078	Lý	Chu Ngọc	Hà	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
872	02.157	Lý	Trương Hoàng	Lâm	1	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
873	02.262	Lý	Nguyễn Linh	Phương	1	3	2003	Bà Rịa - VT	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
874	02.289	Lý	Lý Hoàng	Tâm	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
875	02.335	Lý	Ngô Hoài Ngọc	Trâm	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
876	02.385	Lý	Nguyễn Tường	Vy	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
877	02.069	Lý	Phương Hải	Đặng	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Bình An	QUẬN 8	Ba
878	02.090	Lý	Đoàn Quang	Hiếu	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Ba
879	02.203	Lý	Trần Lê Kim	Ngân	30	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
880	02.257	Lý	Nguyễn Trọng	Phúc	23	6	2003	CÀ MAU	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
881	02.284	Lý	Nguyễn Hoàng Phi	Quỳnh	15	6	2003	Quảng Nam	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
882	02.295	Lý	Trần Bá	Thành	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P2	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
883	02.363	Lý	Hồ Thúy	Uyên	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
884	02.010	Lý	Nguyễn Trần Xuân	An	6	10	2003	Đồng Nai	9/5	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
885	02.051	Lý	Trần Khương	Duy	11	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
886	02.097	Lý	Phạm Hữu	Huệ	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Ba
887	02.102	Lý	Đặng Gia	Huy	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Ba
888	02.122	Lý	Nguyễn Quang	Khải	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
889	02.137	Lý	Nguyễn Tuấn	Khoa	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
890	02.192	Lý	Bùi Xuân	Minh	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
891	02.231	Lý	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	17	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	Ba
892	02.260	Lý	Nguyễn Thị Thiên	Phước	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Huỳnh Văn Nghệ	GÒ VẤP	Ba
893	02.355	Lý	Võ Nhật	Trung	29	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Ba
894	02.368	Lý	Vũ Đình	Viễn	10	2	2003	Hà Tây	9A1	THCS Lê Thành Công	NHÀ BÈ	Ba
895	02.007	Lý	Huỳnh Nguyễn Phương	An	14	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
896	02.031	Lý	Phùng Gia	Bảo	25	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
897	02.136	Lý	Nguyễn Hà Tuấn	Khoa	13	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-4	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
898	02.156	Lý	Phạm Hoàng	Lâm	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
899	02.169	Lý	Vũ Bạch	Long	3	3	2003	Thái Nguyên	9/15	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
900	02.194	Lý	Nguyễn Lê Thảo	My	16	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
901	02.237	Lý	Đinh Lê Uyên	Như	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
902	02.316	Lý	Nguyễn Anh	Thư	4	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Thanh Đa	BÌNH THẠNH	Ba
903	02.338	Lý	Nguyễn Ngọc	Trân	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Ba
904	02.381	Lý	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
905	02.387	Lý	Đỗ Thành	Nguyên						THCS Nguyễn Trãi	Bình Tân	Ba
906	02.150	Lý	Nguyễn Trung	Kiên	15	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
907	02.210	Lý	Phạm Đại	Nghĩa	26	2	2003	Lạng Sơn	9.H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	PHÚ NHUẬN	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
908	02.269	Lý	Nguyễn Lê	Quang	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
909	02.304	Lý	Bùi Phạm Thanh	Thế	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Phong Phú	BÌNH CHÁNH	Ba
910	04.031	Sinh	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
911	04.131	Sinh	Trần Phạm Minh	Hương	12	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
912	04.051	Sinh	Nguyễn Hà Tùng	Chi	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
913	04.019	Sinh	Phùng Phước Nguyên	Anh	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
914	04.172	Sinh	Nguyễn Hồ Uyên	Linh	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
915	04.304	Sinh	Phan Minh	Thư	23	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	Nhất
916	04.009	Sinh	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	18	10	2003	Thừa Thiên-Huế	9A8	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhất
917	04.133	Sinh	Hồ Duy	Khang	6	8	2003	Sóc Trăng	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
918	04.343	Sinh	Hồ Bùi Ngọc	Vân	6	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
919	04.079	Sinh	Vũ Hồng	Đức	23	4	2003	Hải Phòng	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
920	04.027	Sinh	Lương Tú	Anh	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Đồng Khởi	QUẬN 1	Nhất
921	04.262	Sinh	Đỗ Mai	Phương	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	QUẬN 2	Nhất
922	04.015	Sinh	Phạm Đoàn Minh	Anh	25	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
923	04.294	Sinh	Trương Hoàng Vũ Tiểu	Thơ	31	10	2003	Tiền Giang	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhất
924	04.322	Sinh	Trần Lê	Trân	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
925	04.023	Sinh	Lâm Phương	Anh	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhất
926	04.282	Sinh	Vũ Hồng	Sơn	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
927	04.062	Sinh	Đỗ Cường	Duy	17	2	2003	VĨNH LONG	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhất
928	04.092	Sinh	Lê Ngọc Nhật	Hà	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhất
929	04.214	Sinh	Võ Trần Đông	Nghi	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
930	04.217	Sinh	Lê Hữu	Nghĩa	22	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhất
931	04.317	Sinh	Phan Thị Ngọc	Trâm	13	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
932	04.035	Sinh	Dương Thiện	Ân	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhất
933	04.138	Sinh	Phạm Đoàn Nguyên	Khánh	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-1	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhất
934	04.171	Sinh	Huỳnh Tùng	Linh	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
935	04.266	Sinh	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
936	04.331	Sinh	Chu Thế	Tùng	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhất
937	04.334	Sinh	Hồ Trọng	Tường	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
938	04.163	Sinh	Hoàng Nguyễn Mỹ	Linh	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhất
939	04.273	Sinh	Lữ Tú	Quyên	26	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	Nhất
940	04.013	Sinh	Trần Duy Mai	Anh	29	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Nhất
941	04.141	Sinh	Huỳnh Ngọc Đăng	Khoa	3	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
942	04.256	Sinh	Đỗ Thiên	Phúc	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
943	04.130	Sinh	Đào Mai	Hương	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
944	04.142	Sinh	Trần Phan Đăng	Khoa	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
945	04.219	Sinh	Lê Nguyễn Ánh	Ngọc	12	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
946	04.259	Sinh	Nguyễn Thụy Huỳnh	Phước	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Nhì
947	04.263	Sinh	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	22	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Nhì
948	04.299	Sinh	Trần Tuyết Anh	Thư	23	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
949	04.014	Sinh	Nguyễn Thị Mai	Anh	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Nhì
950	04.085	Sinh	Nguyễn Thanh	Giang	27	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
951	04.126	Sinh	Vương Điền	Huy	8	3	2003	Bình Dương	9A10	THCS Hiệp Bình	THỦ ĐỨC	Nhì
952	04.165	Sinh	Trần Mỹ	Linh	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	Nhì
953	04.174	Sinh	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
954	04.195	Sinh	Nguyễn An	My	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
955	04.045	Sinh	Nguyễn Minh	Châu	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
956	04.060	Sinh	Trần Thái	Dung	24	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Nhì
957	04.097	Sinh	Lý Tiến	Hải	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Nhì
958	04.181	Sinh	Phan Minh Trúc	Ly	15	11	2003	Quảng Nam	9/7	THCS Đỗ Văn Dậy	HÓC MÔN	Nhì
959	04.200	Sinh	Nguyễn Thị Minh	Mỹ	12	12	2003	Quảng Ngãi	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
960	04.220	Sinh	Phạm Lê Bảo	Ngọc	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
961	04.225	Sinh	Phan Minh	Ngọc	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
962	04.351	Sinh	Hà Ngọc	Vũ	5	11	2003	Thừa Thiên-Huế	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
963	04.353	Sinh	Khúc Ngọc Khánh	Vy	5	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Nhì
964	04.355	Sinh	Trần Kim	Vy	5	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Nhì
965	04.212	Sinh	Quách Bích	Nghi	10	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Nhì
966	04.308	Sinh	Nguyễn Ngọc Khánh	Thy	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	Nhì
967	04.029	Sinh	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	11	6	2003	Long An	9/2	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	Nhì
968	04.053	Sinh	Nguyễn Minh	Chiến	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
969	04.057	Sinh	Trần Quang	Dân	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
970	04.063	Sinh	Đặng Trần	Duy	20	11	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Nhì
971	04.094	Sinh	Lê Phạm Thanh	Hà	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
972	04.150	Sinh	Đặng Hồng	Kỳ	25	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
973	04.179	Sinh	Lê Thiên	Lộc	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
974	04.186	Sinh	Nguyễn Gia	Minh	1	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9B1	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Nhì
975	04.193	Sinh	Vương Tiến	Minh	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
976	04.204	Sinh	Lý Hà Kim	Ngân	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
977	04.337	Sinh	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	7	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
978	04.004	Sinh	Thái Khánh	An	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
979	04.050	Sinh	Tô Quỳnh	Chi	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
980	04.157	Sinh	Huỳnh Thúy	Liều	13	6	2003	Bến Tre	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhì
981	04.160	Sinh	Trần Ngọc Khánh	Linh	1	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
982	04.255	Sinh	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	4	2	2003	Quảng Nam	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhì
983	04.261	Sinh	Đinh Hà	Phương	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
984	04.283	Sinh	Lê Đức	Tài	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Nhì
985	04.310	Sinh	Nguyễn Hồ Chí	Tín	20	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Nhì
986	04.361	Sinh	Trần Thị Kim	Xoàn	15	11	2003	An Giang	9A 1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Nhì
987	04.007	Sinh	Lê Nguyễn Châu	Anh	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
988	04.061	Sinh	Nguyễn Thị	Dung	20	10	2003	Thanh Hóa	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhì
989	04.098	Sinh	Chu Vĩ	Hào	17	1	2003	Lâm Đồng	9/5	THCS Thạnh Mỹ Lợi	QUẬN 2	Nhì
990	04.145	Sinh	Đặng Trung	Kiên	23	1	2003	Bắc Giang	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
991	04.158	Sinh	Nguyễn Phạm Gia	Linh	22	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Nhì
992	04.185	Sinh	Phan Hoàng Bảo	Minh	5	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
993	04.202	Sinh	Nguyễn Hoàng	Ngân	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
994	04.297	Sinh	Lê Huỳnh Y	Thủy	11	9	2003	Thừa Thiên-Huế	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
995	04.301	Sinh	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	24	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
996	04.302	Sinh	Trần Nguyễn Minh	Thư	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
997	04.338	Sinh	Văn Vũ Phương	Uyên	6	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
998	04.039	Sinh	Trần Vũ Khánh	Bảo	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
999	04.044	Sinh	Ngô Thiện	Cầm	25	9	2003	Bình Phước	9A9	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1000	04.066	Sinh	Đoàn Cao Mỹ	Duyên	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
1001	04.069	Sinh	Nguyễn Thùy	Dương	23	7	2003	Đồng Nai	9/10	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1002	04.091	Sinh	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	5	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
1003	04.144	Sinh	Phạm Hoài Thuận	Khương	9	12	2003	Bến Tre	9A7	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Nhì
1004	04.146	Sinh	Võ Tuấn	Kiệt	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Nhì
1005	04.189	Sinh	Đặng Trần Hồng	Minh	17	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1006	04.223	Sinh	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Nhì
1007	04.288	Sinh	Nguyễn Thị Như	Thảo	29	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
1008	04.352	Sinh	Phạm Quang	Vũ	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Nhì
1009	04.362	Sinh	Dương Lục Ánh	Xuân	25	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
1010	04.046	Sinh	Phạm Thị Quỳnh	Châu	20	4	2003	Đồng Nai	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
1011	04.067	Sinh	Nguyễn Vũ Phương	Duyên	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Ba
1012	04.076	Sinh	Trần Tuấn	Đạt	16	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1013	04.078	Sinh	Đào Minh	Đăng	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1014	04.090	Sinh	Nguyễn Phước Kim	Hà	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Tân Phú	QUẬN 9	Ba
1015	04.110	Sinh	Nguyễn Thị Kim	Hiền	3	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1016	04.233	Sinh	Nguyễn Trọng	Nhân	24	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1017	04.291	Sinh	Lê Nguyễn Minh	Thi	25	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	Ba
1018	04.038	Sinh	Thái Gia	Bảo	4	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đào Duy Anh	PHÚ NHUẬN	Ba
1019	04.048	Sinh	Lê Nguyễn Lan	Chi	10	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1020	04.250	Sinh	Nguyễn Phước	Pháp	18	6	2003	Quảng Ngãi	9/4	THCS Lê Anh Xuân	QUẬN 11	Ba
1021	04.264	Sinh	Võ Phan Minh	Phuong	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
1022	04.318	Sinh	Dương Hồ Thùy	Trâm	18	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Ba
1023	04.001	Sinh	Trần Lưu Đông	A	16	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1024	04.056	Sinh	Lâm Kỳ	Danh	8	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1025	04.111	Sinh	Nguyễn Minh	Hiền	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1026	04.154	Sinh	Bửu Nguyễn Phúc Vĩnh	Lập	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bàn Cờ	QUẬN 3	Ba
1027	04.180	Sinh	Đinh Hồng	Lợi	8	11	2003	Quảng Nam	9/7	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
1028	04.248	Sinh	Nguyễn Dương Thảo	Ny	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Ba
1029	04.249	Sinh	Dương Thị Kim	Oanh	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	Ba
1030	04.327	Sinh	Phan Nguyễn Anh	Trúc	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Ba
1031	04.020	Sinh	Nguyễn Thiện Như	Anh	30	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Ba
1032	04.024	Sinh	Nguyễn Phương	Anh	14	2	2003	Hà Nam	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
1033	04.109	Sinh	Lê Hồng	Hậu	25	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1034	04.118	Sinh	Nhâm Trương Huy	Hoàng	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1035	04.127	Sinh	Phan Lâm Đức	Huy	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Linh Đông	THỦ ĐỨC	Ba
1036	04.136	Sinh	Nguyễn Duy Vân	Khanh	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	Ba
1037	04.170	Sinh	Ngô Nguyễn Tú	Linh	28	10	2003	Tiền Giang	9/2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	Ba
1038	04.222	Sinh	Phạm Trần Bảo	Ngọc	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
1039	04.279	Sinh	Hà Xuân	Quỳnh	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1040	04.008	Sinh	Nguyễn Hoàng	Anh	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Ba
1041	04.032	Sinh	Nguyễn Vân	Anh	13	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.12	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Ba
1042	04.040	Sinh	Lê Tôn	Bảo	5	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Ba
1043	04.075	Sinh	Nguyễn Huỳnh Quốc	Đạt	11	9	2003	Quảng Ngãi	9.9	THCS Lý Thường Kiệt	TÂN BÌNH	Ba
1044	04.102	Sinh	Trần Lâm Gia	Hân	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1045	04.104	Sinh	Trần Lê Khánh	Hân	30	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
1046	04.117	Sinh	Lê Hồng	Hiệu	5	1	2003	Ninh Bình	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1047	04.132	Sinh	Võ Nữ Quỳnh	Hương	3	12	2003	An Giang	9/2	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1048	04.164	Sinh	Trần Mỹ	Linh	21	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Ba
1049	04.168	Sinh	Hoàng Thị Thùy	Linh	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
1050	04.190	Sinh	Lê Ngọc Nguyên	Minh	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1051	04.197	Sinh	Trần Lê Trà	My	9	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Ba
1052	04.213	Sinh	Phạm Ngọc Đông	Nghi	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Trần Hưng Đạo	QUẬN 12	Ba
1053	04.226	Sinh	Nguyễn Đoàn Bình	Nguyên	22	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
1054	04.236	Sinh	Lâm Gia	Nhi	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1055	04.274	Sinh	Nguyễn Thi Diễm	Quỳnh	7	11	2003	Hải Phòng	9/2	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Ba
1056	04.316	Sinh	Châu Thị Ngọc	Trâm	3	4	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lê Minh Xuân	BÌNH CHÁNH	Ba
1057	04.323	Sinh	Nguyễn Ngọc Gia	Triều	1	9	2003	Bình Định	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
1058	04.346	Sinh	Nguyễn Ý	Vân	4	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hiệp Bình	THỦ ĐỨC	Ba
1059	04.016	Sinh	Nguyễn Hồng Minh	Anh	14	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Ba
1060	04.077	Sinh	Võ Tuấn	Đạt	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Ba
1061	04.135	Sinh	Hoàng Tuấn	Khanh	17	3	2003	Nam Định	94	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1062	04.235	Sinh	Dương Ngọc Bảo	Nhi	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
1063	04.306	Sinh	Trần Đan	Thy	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Ba
1064	04.307	Sinh	Lê Ngọc Khánh	Thy	10	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1065	04.330	Sinh	Chung Minh	Tú	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Ba
1066	04.357	Sinh	Mai Thanh	Vy	17	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Ba
1067	04.099	Sinh	Lương Vĩ	Hào	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
1068	04.129	Sinh	Trần Thái	Huy	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
1069	04.188	Sinh	Nguyễn Hồng	Minh	19	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
1070	04.339	Sinh	Phan Nguyễn Thảo	Uyên	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1071	04.011	Sinh	Trần Thị Kim	Anh	23	2	2003	Nam Định	9/6	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	Ba
1072	04.012	Sinh	Trịnh Kim	Anh	5	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1073	04.028	Sinh	Nguyễn Tuyết	Anh	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Ba
1074	04.037	Sinh	Nguyễn Đình	Bách	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1075	04.073	Sinh	Nguyễn Ngọc Xuân	Đào	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1076	04.101	Sinh	Dương Gia	Hân	7	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1077	04.149	Sinh	Huỳnh Hồng Thiên	Kim	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Ba
1078	04.153	Sinh	Nguyễn Hoàng	Lân	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1079	04.162	Sinh	Lâm Mỹ	Linh	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Ba
1080	04.192	Sinh	Chung Quế	Minh	19	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1081	04.194	Sinh	Nguyễn Văn	Minh	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Ba
1082	04.270	Sinh	Hồng Thúy	Quân	10	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1083	04.296	Sinh	Nguyễn Phạm Thanh	Thùy	1	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
1084	04.340	Sinh	Nguyễn Thị Tú	Uyên	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
1085	04.070	Sinh	Huỳnh Trần Thùy	Dương	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1086	04.119	Sinh	Đào Kim	Hoàng	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Ba
1087	04.125	Sinh	Nguyễn Đức Công	Huy	12	1	2003	Quảng Ngãi	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1088	04.143	Sinh	Nguyễn Thành	Khoa	11	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Ba
1089	04.155	Sinh	Lương Khả	Lệ	7	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Ba
1090	04.187	Sinh	Lê Hào	Minh	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Ba
1091	04.198	Sinh	Văn Trà	My	26	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1092	04.231	Sinh	Lê Thị Thanh	Nhàn	12	10	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hòa Phú	CỦ CHI	Ba
1093	04.242	Sinh	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
1094	04.260	Sinh	Bùi Bình	Phương	14	3	2003	Quảng Bình	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
1095	04.281	Sinh	Nguyễn Phước	Sang	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
1096	04.309	Sinh	Nguyễn Phan Công	Tiến	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1097	04.320	Sinh	Huỳnh Bảo	Trân	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1098	04.344	Sinh	Nguyễn Thúy	Vân	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	Ba
1099	04.017	Sinh	Huỳnh Vũ Minh	Anh	26	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1100	04.030	Sinh	Phạm Lê Vân	Anh	5	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
1101	04.059	Sinh	Phạm Đặng Phương	Dung	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
1102	04.064	Sinh	Nguyễn Trần Kỳ	Duyên	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	Ba
1103	04.074	Sinh	Lê Đình Minh	Đạt	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1104	04.095	Sinh	Phan Thanh	Hà	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
1105	04.124	Sinh	Nguyễn Vũ Anh	Huy	11	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	Ba
1106	04.161	Sinh	Nguyễn Trần Khánh	Linh	16	2	2003	Khánh Hòa	9.3	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Ba
1107	04.199	Sinh	Nguyễn Vũ Trà	My	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1108	04.227	Sinh	Võ Kim	Nguyên	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
1109	04.232	Sinh	Nguyễn Thành	Nhân	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
1110	04.251	Sinh	Lý Chấn	Phong	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Ba
1111	04.303	Sinh	Trương Nguyễn Minh	Thư	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1112	04.312	Sinh	Ngô Thùy Minh	Trang	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
1113	04.315	Sinh	Nguyễn Thái Ngọc	Trâm	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hưng Long	BÌNH CHÁNH	Ba
1114	04.325	Sinh	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	12	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1115	04.332	Sinh	Trịnh Ngọc Cát	Tường	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
1116	04.354	Sinh	Phạm Khánh	Vy	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1117	07.282	Sử	Võ Thùy	Trang	17	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1118	07.323	Sử	Nguyễn Hoàng Bảo	Việt	22	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhất
1119	07.072	Sử	Nguyễn Hoài Hương	Giang	22	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhất
1120	07.186	Sử	Phạm Trang	Nhung	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhất
1121	07.175	Sử	Trần Chí	Nhân	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhất
1122	07.184	Sử	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Nhất
1123	07.219	Sử	Đặng	Quân	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhất
1124	07.266	Sử	Nguyễn Minh	Thư	4	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhất
1125	07.180	Sử	Võ Ngọc Mỹ	Nhi	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
1126	07.256	Sử	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Nhất
1127	07.261	Sử	Trần Thị Anh	Thư	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Tân Tiến	CỦ CHI	Nhất
1128	07.221	Sử	Trần Lê Minh	Quân	7	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
1129	07.326	Sử	Phan Ngọc Thảo	Vy	18	9	2003	Khánh Hòa	9A6	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Nhất
1130	07.341	Sử	Phạm Đoàn Nguyệt	Quế						THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhất
1131	07.073	Sử	Đinh Vũ Kiều	Giang	31	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hiệp Bình	THỦ ĐỨC	Nhất
1132	07.244	Sử	Trương Lê Thanh	Thảo	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Nhất
1133	07.099	Sử	Vũ Thị	Hồng	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Nhất
1134	07.102	Sử	Vũ Đức	Huy	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhất
1135	07.163	Sử	Đỗ Nguyễn Trúc	Nghi	7	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Nhất
1136	07.178	Sử	Bùi Trí	Nhân	22	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1137	07.009	Sử	Hoàng Lan	Anh	21	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Nhì
1138	07.047	Sử	Ngô Chí	Cường	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1139	07.238	Sử	Đinh Nguyễn Quốc	Thái	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1140	07.298	Sử	Trâm Mai Thanh	Trúc	8	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Nhì
1141	07.017	Sử	Diệp Như	Anh	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Nhì
1142	07.021	Sử	Vương Ngọc Quỳnh	Anh	7	4	2003	Tiền Giang	9/4	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
1143	07.168	Sử	Hồ Hồng	Ngọc	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Nhì
1144	07.228	Sử	Lê Thị	Quyên	9	5	2003	Thanh Hóa	9/5	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	Nhì
1145	07.248	Sử	Võ Tấn	Thịnh	12	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Nhì
1146	07.339	Sử	Nguyễn Đại Phụng	Yến	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	Nhì
1147	07.012	Sử	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	6	7	2003	Tiền Giang	9A11	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1148	07.019	Sử	Huỳnh Thị Quế	Anh	28	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Nhì
1149	07.097	Sử	Chu Đình	Hoàng	3	10	2003	Hung Yên	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
1150	07.154	Sử	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1	2	2003	Quảng Ngãi	9A7	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	Nhì
1151	07.160	Sử	Trương Gia	Nghi	26	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1152	07.170	Sử	Huỳnh Lâm Như	Ngọc	18	1	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1153	07.204	Sử	Châu Kim	Phụng	14	2	2003	Tiền Giang	9/5	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
1154	07.290	Sử	Nguyễn Trương Bảo	Trân	17	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
1155	07.295	Sử	Trần Thị Tú	Trinh	8	9	2003	Phú Yên	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1156	07.018	Sử	Võ Quang	Anh	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Nhì
1157	07.025	Sử	Trương Tú	Anh	1	6	2003	Hà Nội	9A8	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
1158	07.036	Sử	Nguyễn Trần Ngọc	Bích	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A	THCS Đặng Tấn Tài	QUẬN 9	Nhì
1159	07.136	Sử	Nguyễn Nhật Bình	Minh	7	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1160	07.159	Sử	Huỳnh Thị Thu	Ngân	16	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Nhì
1161	07.235	Sử	Trịnh Quý	Tâm	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Nhì
1162	07.236	Sử	Nguyễn Thị Thu	Tâm	27	5	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Nhì
1163	07.283	Sử	Hoàng Bảo	Trâm	1	5	2003	Lâm Đồng	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1164	07.285	Sử	Trần Thị Bích	Trâm	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
1165	07.322	Sử	Nguyễn Thị Hà	Vi	10	11	2003	Hà Tây	9A1	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Nhì
1166	07.332	Sử	Lê Phạm Tường	Vy	1	6	2003	Bình Định	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1167	07.015	Sử	Lưu Mỹ	Anh	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Ba
1168	07.041	Sử	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Ba
1169	07.083	Sử	Nguyễn Lê Mỹ	Hằng	14	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Ba
1170	07.166	Sử	Mai Nguyễn Bảo	Ngọc	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
1171	07.181	Sử	Đặng Thị Tuyết	Nhi	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hồ Văn Long	BÌNH TÂN	Ba
1172	07.200	Sử	Đồng Bảo	Phúc	17	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1173	07.212	Sử	Phan Thu	Phương	21	4	2003	An Giang	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
1174	07.218	Sử	Phan Trần Nhật	Quang	31	10	2003	Hà Tĩnh	9.1	THCS Bình An	QUẬN 2	Ba
1175	07.280	Sử	Nguyễn Thái Thùy	Trang	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1176	07.307	Sử	Hoàng Minh	Tuấn	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1177	07.007	Sử	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	25	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Ba
1178	07.043	Sử	Huỳnh Phạm Minh	Châu	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1179	07.060	Sử	Hà Thị Ngọc	Duyên	16	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Ba
1180	07.113	Sử	Nguyễn Ngọc	Khánh	21	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1181	07.187	Sử	Tô Thụy Trang	Nhung	26	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
1182	07.240	Sử	Trương Phương	Thanh	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1183	07.254	Sử	Huỳnh Anh	Thư	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông A	BÌNH TÂN	Ba
1184	07.271	Sử	Phùng Đỗ Ngọc Cẩm	Tiên	11	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A12	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1185	07.292	Sử	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	10	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Thoại Ngọc Hầu	TÂN PHÚ	Ba
1186	07.002	Sử	Nguyễn Thái	An	22	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
1187	07.003	Sử	Đặng Tuấn	An	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1188	07.013	Sử	Lê Minh	Anh	28	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Ba
1189	07.016	Sử	Phan Mỹ	Anh	27	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-13	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
1190	07.027	Sử	Cao Tuấn	Anh	3	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Ba
1191	07.044	Sử	Thái Minh	Châu	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	Ba
1192	07.053	Sử	Vương Bích	Dung	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Lý Thường Kiệt	BÌNH TÂN	Ba
1193	07.065	Sử	Vũ Hạ Huy	Đan	7	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lý Tự Trọng	GÒ VẤP	Ba
1194	07.071	Sử	Huỳnh	Giang	1	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1195	07.098	Sử	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	29	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1196	07.101	Sử	Nguyễn Đức	Huy	2	3	2003	Long An	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1197	07.115	Sử	Lê Ngọc Vân	Khánh	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Ba
1198	07.126	Sử	Nguyễn Hoàng Nhã	Linh	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
1199	07.130	Sử	Trần Phạm Kim	Long	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
1200	07.194	Sử	Nguyễn Lưu Tâm	Như	18	11	2003	Sóc Trăng	9/2	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	Ba
1201	07.203	Sử	Lê Thiên	Phúc	13	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	Ba
1202	07.206	Sử	Phạm Nguyễn Thanh	Phụng	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Ba
1203	07.217	Sử	Trần Minh	Quang	5	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
1204	07.224	Sử	Lâm Đại	Quý	28	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phước Vĩnh An	CỦ CHI	Ba
1205	07.231	Sử	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	Ba
1206	07.245	Sử	Thái Vạn	Thắng	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/02	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
1207	07.275	Sử	Phạm Thành	Tín	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Quỳ	NHÀ BÈ	Ba
1208	07.278	Sử	Nguyễn Ngọc Kiều	Trang	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	Ba
1209	07.279	Sử	Đinh Vũ Thu	Trang	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Lý Chinh Thắng 1	HÓC MÔN	Ba
1210	07.308	Sử	Nguyễn Văn	Tùng	30	1	2003	Thừa Thiên-Huế	9/1	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Ba
1211	07.310	Sử	Thái Thị Mộng	Tuyền	23	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
1212	07.320	Sử	Đoàn Thị Thanh	Vân	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
1213	07.321	Sử	Huỳnh Thị Thu	Vân	26	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Ba
1214	07.330	Sử	Cao Đỗ Trúc	Vy	27	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
1215	07.058	Sử	Nguyễn Trương Mỹ	Duyên	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1216	07.289	Sử	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
1217	07.039	Sử	Phạm Nguyễn Sơn	Bình	6	3	2003	Quảng Bình	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Ba
1218	07.055	Sử	Nguyễn Tiến	Dũng	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Ba
1219	07.172	Sử	Đặng Phạm	Nguyễn	14	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Tuấn	QUẬN 7	Ba
1220	07.183	Sử	Hà Trần Uyên	Nhi	13	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Ba
1221	07.239	Sử	Nguyễn Phan Thành	Thái	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trương Công Định	BÌNH THẠNH	Ba
1222	07.255	Sử	Lê Huỳnh Anh	Thư	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1223	07.273	Sử	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	5	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
1224	07.333	Sử	Hồ Ý	Vy	4	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
1225	07.338	Sử	Lê Kim	Yến	18	8	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
1226	07.033	Sử	Nguyễn HoàNg	BàO	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Trần Hưng Đạo	QUẬN 12	Ba
1227	07.064	Sử	Trần Thái	Dương	22	10	2003	Hải Phòng	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Ba
1228	07.127	Sử	Lâm Thục	Linh	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Tăng Nhơn Phú B	QUẬN 9	Ba
1229	07.188	Sử	Nguyễn Hồ Minh	Như	22	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
1230	07.048	Sử	Bùi Đại	Danh	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1231	07.054	Sử	Nguyễn Ngọc Viên	Dung	17	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_06	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1232	07.086	Sử	Nguyễn Vũ Bảo	Hân	25	2	2003	Biên Hòa	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1233	07.116	Sử	Huỳnh Anh	Khoa	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
1234	07.257	Sử	Nguyễn Lê Anh	Thư	5	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1235	07.281	Sử	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Long Trường	QUẬN 9	Ba
1236	07.293	Sử	Trần Nguyễn Phương	Trinh	27	1	2003	Ninh Thuận	9A6	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
1237	07.302	Sử	Lê Thị Thanh	Trúc	12	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
1238	07.315	Sử	Trần Như Thanh	Uyên	27	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
1239	07.028	Sử	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	Ba
1240	07.056	Sử	Võ Văn Trí	Dũng	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1241	07.059	Sử	Lê Nguyễn Ngọc	Duyên	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A18	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Ba
1242	07.089	Sử	Đỗ Thị Hồng	Hân	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Ba
1243	07.100	Sử	Dư Lê Tuyết	Hồng	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Thị trấn 2	CỦ CHI	Ba
1244	07.133	Sử	Tô Hoàng	Lợi	6	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
1245	07.185	Sử	Trương Yến	Nhi	6	7	2003	Kiên Giang	9A11	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
1246	07.191	Sử	Trần Ngọc Quỳnh	Như	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/02	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
1247	07.340	Sử	Nguyễn Lê Ngọc	Ánh						THCS Tân Tiến	CỦ CHI	Ba
1248	14.048	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Trần Minh	Hiền	19	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
1249	14.103	Thực nghiệm KHTN	Tăng Nguyễn Nhật	Minh	23	11	2003	Khánh Hòa	9A4	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
1250	14.052	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Phương	Hoàng	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhất
1251	14.201	Thực nghiệm KHTN	Đỗ Tường	Vy	20	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhất
1252	14.061	Thực nghiệm KHTN	Trần Gia	Huy	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Nhất
1253	14.072	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Lý Gia	Khang	15	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Nhất
1254	14.088	Thực nghiệm KHTN	Trương Tuấn	Kiệt	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Nhất
1255	14.132	Thực nghiệm KHTN	Võ Hoàng	Phúc	7	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Nhất
1256	14.036	Thực nghiệm KHTN	Ngô Ngọc Quỳnh	Giang	14	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
1257	14.071	Thực nghiệm KHTN	Kiều Gia	Khang	20	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1258	14.111	Thực nghiệm KHTN	Trang Bảo	Nghi	21	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhất
1259	14.137	Thực nghiệm KHTN	Lê Quang Đông	Quân	12	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhất
1260	14.121	Thực nghiệm KHTN	Phạm Nguyễn Khánh	Nhi	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Nhất
1261	14.154	Thực nghiệm KHTN	Thái Quốc	Thành	28	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Nhất
1262	14.021	Thực nghiệm KHTN	Lê Ngọc Thiên	Bảo	10	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhì
1263	14.068	Thực nghiệm KHTN	Trịnh Quốc	Khải	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.4	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Nhì
1264	14.119	Thực nghiệm KHTN	Dương Bảo	Nhi	17	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhì
1265	14.126	Thực nghiệm KHTN	Trương Quỳnh	Như	30	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Nhì
1266	14.131	Thực nghiệm KHTN	Trương Diễm	Phúc	16	3	2003	Vĩnh Long	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
1267	14.138	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Mạnh Thường	Quân	22	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
1268	14.142	Thực nghiệm KHTN	Trần Xuân	Quỳnh	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhì
1269	14.160	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hồ Thanh	Thảo	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.5	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Nhì
1270	14.188	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
1271	14.204	Thực nghiệm KHTN	Tạ Lý Hồng	Yến	8	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
1272	14.033	Thực nghiệm KHTN	Trần Nghi	Dương	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1273	14.073	Thực nghiệm KHTN	Phạm Gia	Khang	9	2	2003	Ninh Thuận	91	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
1274	14.104	Thực nghiệm KHTN	Vương Quang	Minh	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
1275	14.113	Thực nghiệm KHTN	Trần Kim Bảo	Ngọc	1	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1276	14.127	Thực nghiệm KHTN	Phan Hoàng	Phát	26	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhì
1277	14.207	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Phi	Yến	30	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhì
1278	14.191	Thực nghiệm KHTN	Lâm Hoàng	Tuấn	11	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
1279	14.205	Thực nghiệm KHTN	Đoàn Ngọc Như	Yến	26	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
1280	14.053	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Vũ Thanh	Hoàng	14	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
1281	14.057	Thực nghiệm KHTN	Phạm Ngọc	Hùng	5	7	2003	Quảng Nam	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
1282	14.062	Thực nghiệm KHTN	Trần Gia	Huy	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
1283	14.175	Thực nghiệm KHTN	Hồ Ngọc Linh	Thuyền	1	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
1284	14.039	Thực nghiệm KHTN	Bùi Ngân	Hà	10	1	2003	Hà Nội	9A1	THCS Phan Sào Nam	QUẬN 3	Nhì
1285	14.054	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Quang Mỹ	Hồng	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	Nhì
1286	14.074	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Minh	Khang	30	5	2003	Đà Nẵng	9A1	THCS Phan Sào Nam	QUẬN 3	Nhì
1287	14.077	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hoàng	Khánh	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhì
1288	14.100	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Đỗ Anh	Minh	9	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS An Phú	QUẬN 2	Nhì
1289	14.125	Thực nghiệm KHTN	Lê Huỳnh	Như	2	3	2003	Sóc Trăng	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhì
1290	14.170	Thực nghiệm KHTN	Lê Trần Châu	Thoại	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1291	14.193	Thực nghiệm KHTN	Mai Quỳnh	Tương	25	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1292	14.016	Thực nghiệm KHTN	Huỳnh Duyên	Ân	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1293	14.024	Thực nghiệm KHTN	Từ Gia	Bình	14	5	2003	Cần Thơ	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhì
1294	14.038	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Thụy Quỳnh	Giao	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1295	14.070	Thực nghiệm KHTN	Trương Bảo	Khang	11	4	2003	Kiên Giang	9/11	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhì
1296	14.092	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Thị Mai	Linh	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	Nhì
1297	14.099	Thực nghiệm KHTN	Ngô Thị Ngọc	Mai	19	6	2003	Nam Định	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Nhì
1298	14.174	Thực nghiệm KHTN	Phạm Thanh	Thúy	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	Nhì
1299	14.178	Thực nghiệm KHTN	Lê Nguyễn Anh	Thư	9	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Nhì
1300	14.015	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hà Ngọc	Ánh	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
1301	14.050	Thực nghiệm KHTN	Trần Hoàng Thanh	Hoà	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
1302	14.051	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn	Hoàng	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
1303	14.063	Thực nghiệm KHTN	Tô Minh	Huy	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1304	14.067	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Phi Thế	Hữu	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1305	14.116	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Đoàn Tùng	Nguyên	15	1	2003	DAKLAK	9A5	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1306	14.129	Thực nghiệm KHTN	Phan Thế	Phong	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đặng Trần Côn	TÂN PHÚ	Ba
1307	14.156	Thực nghiệm KHTN	Lê	Thanh	10	10	2003	Ninh Thuận	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1308	14.047	Thực nghiệm KHTN	Quách Kim	Hân	25	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
1309	14.075	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Uyên	Khanh	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
1310	14.026	Thực nghiệm KHTN	Trịnh Thanh	Bình	3	12	2003	Bình Dương	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Ba
1311	14.140	Thực nghiệm KHTN	Lê Diễm	Quỳnh	15	12	2003	quảng nam	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Ba
1312	14.186	Thực nghiệm KHTN	Đỗ Nguyễn Thục	Trân	11	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1313	14.203	Thực nghiệm KHTN	Phạm Bảo	Yên	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1314	14.003	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Võ Hoài	An	16	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Ba
1315	14.043	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	8	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Ba
1316	14.059	Thực nghiệm KHTN	Hoàng Lê Gia	Huy	26	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1317	14.076	Thực nghiệm KHTN	Ngô Đình Bảo	Khánh	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1318	14.123	Thực nghiệm KHTN	Đinh Huỳnh Tuyết	Nhi	15	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1319	14.133	Thực nghiệm KHTN	Đoàn Trần Minh	Quang	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1320	14.136	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Đông	Quân	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1321	14.139	Thực nghiệm KHTN	Bùi Đặng Phú	Quốc	13	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1322	14.166	Thực nghiệm KHTN	Trần Ngọc	Thiện	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1323	14.190	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tú	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1324	14.106	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hà	My	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
1325	14.109	Thực nghiệm KHTN	Du Long	Ngân	28	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
1326	14.002	Thực nghiệm KHTN	Thị Triệu	Ái	28	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
1327	14.089	Thực nghiệm KHTN	Đinh Hoàng	Kim	3	1	2003	Kiên Giang	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1328	14.120	Thực nghiệm KHTN	Tăng Gia	Nhi	17	4	2002	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
1329	14.145	Thực nghiệm KHTN	Huỳnh Thị Cẩm	Sương	1	10	2002	Bình Định	9A2	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
1330	14.162	Thực nghiệm KHTN	Đinh Toàn	Thắng	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
1331	14.172	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Thị Minh	Thùy	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
1332	14.101	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Bảo	Minh	22	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Thị Trấn	HÓC MÔN	Ba
1333	14.164	Thực nghiệm KHTN	Huỳnh Minh	Thiện	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thị Trấn	HÓC MÔN	Ba
1334	14.005	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hồ Thúy	An	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1335	14.032	Thực nghiệm KHTN	Trần Khánh	Dur	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	Ba
1336	14.112	Thực nghiệm KHTN	Huỳnh Bảo	Ngọc	19	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1337	14.115	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1338	14.158	Thực nghiệm KHTN	Đoàn Lê Phương	Thảo	13	5	2003	Quảng Ngãi	9/5	THCS Nguyễn Hồng Đào	HÓC MÔN	Ba
1339	14.180	Thực nghiệm KHTN	Lê Minh	Thư	23	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1340	14.023	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hữu Cảnh	Bình	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
1341	14.031	Thực nghiệm KHTN	Bùi Thanh	Duyên	17	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1342	14.045	Thực nghiệm KHTN	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a4	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1343	14.060	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Gia	Huy	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
1344	14.090	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Bá Thiên	Kim	2	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1345	14.200	Thực nghiệm KHTN	Trần Ngọc Nhật	Vy	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a4	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1346	14.004	Thực nghiệm KHTN	Trần Nguyễn Thái	An	13	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1347	14.093	Thực nghiệm KHTN	Hồ Ngân	Linh	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
1348	14.105	Thực nghiệm KHTN	Lê Hà	My	29	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Ba
1349	14.153	Thực nghiệm KHTN	Trần Công	Thành	30	11	2002	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Ba
1350	14.171	Thực nghiệm KHTN	Đặng Thị	Thơm	17	10	2003	Thanh Hóa	9A7	THCS Tân Phú Trung	CỦ CHI	Ba
1351	14.199	Thực nghiệm KHTN	Vũ Đức Lan	Vy	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1352	09.296	Tiếng Anh	Lưu Thị Vân	Quỳnh	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhất
1353	09.085	Tiếng Anh	Bùi Chi Quỳnh	Giao	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhất
1354	09.308	Tiếng Anh	Huỳnh Ngọc	Tâm	28	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1355	09.223	Tiếng Anh	Đặng Võ Bảo	Ngọc	7	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1356	09.233	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Trọng	Nhân	9	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
1357	09.307	Tiếng Anh	Lê Huỳnh Mỹ	Tâm	2	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1358	09.360	Tiếng Anh	Trần Nguyễn Khánh	Trang	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1359	09.378	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Mai	Uyên	13	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1360	09.229	Tiếng Anh	Châu Bình	Nguyên	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1361	09.265	Tiếng Anh	Nguyễn Duy	Phước	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1362	09.348	Tiếng Anh	Đoàn Nguyễn Khánh	Thư	10	1	2003	Hà Nội	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1363	09.120	Tiếng Anh	Lê Tuấn	Huy	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1364	09.182	Tiếng Anh	Nguyễn Phương	Linh	6	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhất
1365	09.247	Tiếng Anh	Tôn Nữ Cẩm	Nhiên	6	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất
1366	09.345	Tiếng Anh	Trần Thị Anh	Thư	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1367	09.067	Tiếng Anh	Nguyễn Thảo	Duyên	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Mùa Xuân	BÌNH THẠNH	Nhất
1368	09.159	Tiếng Anh	Lê Minh	Khôi	2	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất
1369	09.196	Tiếng Anh	Đặng Võ Anh	Minh	4	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Nhất
1370	09.205	Tiếng Anh	Trần Thế	Minh	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1371	09.208	Tiếng Anh	Trương Phạm Phương	Nam	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Nhất
1372	09.251	Tiếng Anh	Huỳnh Ánh	Như	17	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
1373	09.271	Tiếng Anh	Võ Ngọc Minh	Phương	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1374	09.045	Tiếng Anh	Trần Viết Gia	Bảo	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1375	09.051	Tiếng Anh	Tô Nguyễn Bảo	Châu	24	8	2003	Hải Phòng	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1376	09.175	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Ái	Linh	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
1377	09.213	Tiếng Anh	Đỗ Ngọc Kim	Ngân	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhất
1378	09.241	Tiếng Anh	Đoàn Lâm Tâm	Nhi	11	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1379	09.255	Tiếng Anh	Huỳnh Gia	Phú	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
1380	09.398	Tiếng Anh	Trần Hà Khánh	Vy	24	10	2003	Đồng Nai	9A8	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất
1381	09.023	Tiếng Anh	Nghê Ngọc Phương	Anh	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 1	Nhất
1382	09.037	Tiếng Anh	Ngô Thái Tuệ	Anh	7	3	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1383	09.127	Tiếng Anh	Nguyễn Quỳnh	Hương	23	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhất
1384	09.135	Tiếng Anh	Ngô Huỳnh Minh	Khang	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Nhất
1385	09.199	Tiếng Anh	Âu Gia	Minh	31	8	2003	Bạc Liêu	9A7	THCS Võ Văn Tần	TÂN BÌNH	Nhất
1386	09.256	Tiếng Anh	Bùi Vũ Gia	Phúc	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1387	09.335	Tiếng Anh	Trần Phước	Thịnh	29	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Nhất
1388	09.361	Tiếng Anh	Trần Thị Quỳnh	Trang	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1389	09.384	Tiếng Anh	Nguyễn Thanh	Vân	22	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Colette	QUẬN 3	Nhất
1390	09.118	Tiếng Anh	Phan Nhật	Huy	3	9	2003	Bình Phước	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhất
1391	09.212	Tiếng Anh	Châu Đức	Ngân	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/19	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 3	Nhì
1392	09.289	Tiếng Anh	Huỳnh Minh	Quyên	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1393	09.292	Tiếng Anh	Đỗ Nguyễn Ngân	Quỳnh	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1394	09.328	Tiếng Anh	Phan Phương	Thi	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/01	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1395	09.380	Tiếng Anh	Đặng Phương	Uyên	6	1	2003	Đà Nẵng	9A7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
1396	09.402	Tiếng Anh	Trần Phương	Vy	19	8	2003	Liên bang Nga	9A1	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
1397	09.405	Tiếng Anh	Võ Tường	Vy	9	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Âu Lạc	TÂN BÌNH	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1398	09.138	Tiếng Anh	Nguyễn Đình Song	Khang	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
1399	09.162	Tiếng Anh	Trần Minh	Khôi	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
1400	09.192	Tiếng Anh	Nguyễn Kinh	Luân	11	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1401	09.231	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Phúc	Nguyên	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1402	09.264	Tiếng Anh	Đoàn Trần Thiên	Phúc	30	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1403	09.270	Tiếng Anh	Lương Mai	Phương	22	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
1404	09.277	Tiếng Anh	Nguyễn Phúc Minh	Quang	7	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1405	09.331	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc	Thiện	11	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Nhì
1406	09.354	Tiếng Anh	Lê Hoàng	Tiến	30	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Chu Văn An	QUẬN 1	Nhì
1407	09.395	Tiếng Anh	Ngô Hoàng	Vũ	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
1408	09.012	Tiếng Anh	Phạm Nguyễn Lan	Anh	5	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
1409	09.015	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/01	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1410	09.018	Tiếng Anh	Phạm Vũ Minh	Anh	12	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1411	09.025	Tiếng Anh	Đặng Trần Phương	Anh	19	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1412	09.091	Tiếng Anh	Nguyễn Hồ Nhật	Hà	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1413	09.102	Tiếng Anh	Nguyễn Lê Minh	Hiền	12	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1414	09.290	Tiếng Anh	Võ Ngọc Đan	Quỳnh	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
1415	09.300	Tiếng Anh	Lê Anh	Son	18	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS An Nhơn	GÒ VẤP	Nhì
1416	09.317	Tiếng Anh	Nguyễn Tiến	Thành	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Nhì
1417	09.325	Tiếng Anh	Nguyễn Quốc	Thắng	13	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.H3	TH, THCS, THPT Việt Úc	PHÚ NHUẬN	Nhì
1418	09.347	Tiếng Anh	Phạm Trần Anh	Thư	23	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1419	09.377	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Cát	Tường	26	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
1420	09.044	Tiếng Anh	Trần Gia	Bảo	6	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Trần Hưng Đạo	QUẬN 12	Nhì
1421	09.145	Tiếng Anh	Cù Quốc Trọng	Khiêm	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhì
1422	09.232	Tiếng Anh	Phạm Trung	Nguyên	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
1423	09.362	Tiếng Anh	Trương Ngọc Lê	Trân	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhì
1424	09.002	Tiếng Anh	Lưu Gia	An	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 3	Nhì
1425	09.008	Tiếng Anh	Đoàn Lê Hoàng	Anh	2	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
1426	09.022	Tiếng Anh	Nguyễn Mai Phương	Anh	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1427	09.064	Tiếng Anh	Nguyễn Khánh	Duy	12	2	2003	Bà Rịa - VT	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
1428	09.103	Tiếng Anh	Hà Gia	Hiền	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1429	09.124	Tiếng Anh	Nguyễn Trung	Hung	26	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhì
1430	09.129	Tiếng Anh	Park Soo	Jung	16	12	2002	Tp Hồ Chí Minh	9A 5	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Nhì
1431	09.179	Tiếng Anh	Dương Trần Mỹ	Linh	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1432	09.236	Tiếng Anh	Vũ Ngô Đan	Nhi	15	9	2002	Tp Hồ Chí Minh	9-5	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1433	09.281	Tiếng Anh	Lê Hồng	Quân	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
1434	09.358	Tiếng Anh	Đỗ Hạnh	Trang	23	6	2003	Hà Nội	9A2	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	Nhì
1435	09.404	Tiếng Anh	Ngô Ngọc Tường	Vy	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1436	09.061	Tiếng Anh	Phạm Hoàng	Duy	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Nhì
1437	09.107	Tiếng Anh	Nguyễn Doãn Minh	Hoàng	17	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1438	09.137	Tiếng Anh	Phạm Quang	Khang	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhì
1439	09.166	Tiếng Anh	Nguyễn Trung	Kiên	2	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
1440	09.257	Tiếng Anh	Lê Cao Hoàng	Phúc	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhì
1441	09.285	Tiếng Anh	Lê Trần Minh	Quân	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
1442	09.035	Tiếng Anh	Trần Tuấn	Anh	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1443	09.060	Tiếng Anh	Chung KhảNh	Doanh	9	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Nhì
1444	09.076	Tiếng Anh	Tăng Tuấn	Đạt	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A17	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1445	09.109	Tiếng Anh	Võ Đình Việt	Hoàng	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Nhì
1446	09.139	Tiếng Anh	Nguyễn Như	Khanh	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1447	09.152	Tiếng Anh	Đặng Minh	Khoa	29	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhì
1448	09.198	Tiếng Anh	Nguyễn Đại	Minh	4	9	2003	Hải Phòng	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1449	09.299	Tiếng Anh	Nguyen Jenna Gunaseker Senevirat		21	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1450	09.338	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Minh	Thu	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	Nhì
1451	09.393	Tiếng Anh	Ngô Hữu Thành	Vinh	17	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1452	09.010	Tiếng Anh	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	20	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
1453	09.081	Tiếng Anh	Vũ Minh	Đức	30	4	2003	Hà Nội	9.S2	TH, THCS, THPT Việt Úc	QUẬN 7	Nhì
1454	09.113	Tiếng Anh	Lương Đức	Huy	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Nhì
1455	09.119	Tiếng Anh	Lê Quang	Huy	15	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	TÂN BÌNH	Nhì
1456	09.126	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Mai	Hương	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
1457	09.141	Tiếng Anh	Hoàng Uyên	Khanh	20	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1458	09.174	Tiếng Anh	Nguyễn Sơn Hoài	Lam	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1459	09.200	Tiếng Anh	Lê Hiền	Minh	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhì
1460	09.207	Tiếng Anh	Nguyễn Nhật	Nam	23	10	2002	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
1461	09.239	Tiếng Anh	Trần Ngọc Phương	Nhì	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1462	09.248	Tiếng Anh	Nhan Hạo	Nhiên	1	9	2001	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trần Quốc Toàn	BÌNH TÂN	Nhì
1463	09.267	Tiếng Anh	Lê Lam	Phương	2	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1464	09.288	Tiếng Anh	Lâm Hiếu	Quyên	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Nhì
1465	09.294	Tiếng Anh	Trần Lê Phương	Quỳnh	2	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1466	09.342	Tiếng Anh	Văn Gia	Thụy	27	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
1467	09.346	Tiếng Anh	Trần Anh	Thư	10	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1468	09.364	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Triết	26	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Nhì
1469	09.392	Tiếng Anh	Từ Ngọc Quang	Vinh	11	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A20	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhì
1470	09.009	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Anh	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1471	09.050	Tiếng Anh	Nguyễn Hà	Bình	27	8	2003	Bình Định	9A1	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Nhì
1472	09.053	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Uyên	Chi	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
1473	09.079	Tiếng Anh	Phan Phúc	Điền	30	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a12	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
1474	09.133	Tiếng Anh	Nguyễn Duy	Khang	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1475	09.140	Tiếng Anh	Lâm Thụy	Khanh	30	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Nhì
1476	09.158	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	3	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1477	09.204	Tiếng Anh	Hoàng Thị Ngọc	Minh	15	11	2003	Hà Nội	9A4	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1478	09.218	Tiếng Anh	Nguyễn Mỹ Chiêu	Nghi	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1479	09.243	Tiếng Anh	Nguyễn Trúc Thiên	Nhi	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Ba
1480	09.312	Tiếng Anh	Huỳnh Sơn Nhựt	Tân	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Ba
1481	09.323	Tiếng Anh	Nguyễn Đức	Thắng	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
1482	09.349	Tiếng Anh	Đỗ Ngọc Minh	Thư	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1483	09.357	Tiếng Anh	Võ Hương	Trà	2	4	2003	Bình Dương	9/1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Ba
1484	09.016	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Anh	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
1485	09.069	Tiếng Anh	Lê Nguyễn Thùy	Dương	9	5	2003	Thừa Thiên-Huế	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1486	09.161	Tiếng Anh	Trần Minh	Khôi	10	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1487	09.185	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	QUẬN 1	Ba
1488	09.210	Tiếng Anh	Lê Quang	Nam	9	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A 6	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba
1489	09.260	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Phúc	30	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1490	09.263	Tiếng Anh	Phùng Thiên	Phúc	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-2	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Ba
1491	09.275	Tiếng Anh	Đặng Yên	Phương	13	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
1492	09.332	Tiếng Anh	Phạm Ngọc	Thiện	30	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Dương Bá Trạc	QUẬN 8	Ba
1493	09.368	Tiếng Anh	Phan Hải Hồng	Trúc	5	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Ba
1494	09.017	Tiếng Anh	Bùi Nguyễn Minh	Anh	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1495	09.021	Tiếng Anh	Phan Lê Phương	Anh	10	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1496	09.030	Tiếng Anh	Nguyễn Mai Trâm	Anh	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Ba
1497	09.038	Tiếng Anh	Đinh Ngọc	Ân	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1498	09.062	Tiếng Anh	Lương Hồ Khánh	Duy	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Ba
1499	09.063	Tiếng Anh	Hồ Ngọc Khánh	Duy	22	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_13	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1500	09.089	Tiếng Anh	Trần Nguyệt	Hà	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1501	09.092	Tiếng Anh	Phạm Ngọc	Hải	6	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
1502	09.108	Tiếng Anh	Lê Thanh	Hoàng	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1503	09.121	Tiếng Anh	Trần Tuấn	Huy	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1504	09.144	Tiếng Anh	Lê Quang	Khánh	24	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/17	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
1505	09.153	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Khoa	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Ba
1506	09.183	Tiếng Anh	Vũ Thảo	Linh	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
1507	09.186	Tiếng Anh	Đặng Hoàng	Long	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Sương Nguyệt Anh	QUẬN 8	Ba
1508	09.194	Tiếng Anh	Nguyễn Thảo	Ly	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1509	09.220	Tiếng Anh	Trần Đông	Nghi	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
1510	09.222	Tiếng Anh	Đỗ Xuân	Nghi	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
1511	09.254	Tiếng Anh	Ngô Quỳnh	Như	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
1512	09.339	Tiếng Anh	Nguyễn Xuân	Thuận	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	QUẬN 2	Ba
1513	09.383	Tiếng Anh	Phạm Liễu Hồng	Vân	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Ba
1514	09.048	Tiếng Anh	Nguyễn Đình Danh	Bắc	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đào Duy Anh	PHÚ NHUẬN	Ba
1515	09.147	Tiếng Anh	Huỳnh Anh	Khoa	22	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1516	09.189	Tiếng Anh	Trần Hoàng Phi	Long	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1517	09.195	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc	Mai	21	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1518	09.219	Tiếng Anh	Trần Đông	Nghi	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1519	09.225	Tiếng Anh	Lâm Hồng	Ngọc	22	7	2003	Mỹ	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1520	09.321	Tiếng Anh	Trần Thanh	Thảo	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
1521	09.351	Tiếng Anh	Trần Lê Duy	Tiến	13	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
1522	09.397	Tiếng Anh	Châu Thanh Hạnh	Vy	15	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
1523	09.401	Tiếng Anh	Phạm Lê	Vy	24	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	Ba
1524	09.007	Tiếng Anh	Trịnh Vũ Đức	Anh	5	3	2003	Hà Nội	9/9	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Ba
1525	09.028	Tiếng Anh	Đoàn Sĩ	Anh	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1526	09.033	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1527	09.066	Tiếng Anh	Lê Ngọc Kỳ	Duyên	4	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1528	09.123	Tiếng Anh	Trương Quốc	Hưng	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1529	09.131	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc	Khải	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1530	09.178	Tiếng Anh	Nguyễn Khánh	Linh	19	1	2003	Hà Nội	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Ba
1531	09.230	Tiếng Anh	Nguyễn Đàm Cao	Nguyên	27	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1532	09.234	Tiếng Anh	Hoàng Việt	Nhân	2	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
1533	09.235	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Minh	Nhật	8	12	2003	ĐÀ NẴNG	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1534	09.374	Tiếng Anh	Nguyễn Đình Thủy	Tú	22	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.S2	TH, THCS, THPT Việt Úc	QUẬN 7	Ba
1535	09.004	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc	An	14	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba
1536	09.114	Tiếng Anh	Nguyễn Gia	Huy	13	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1537	09.155	Tiếng Anh	Võ Tấn	Khoa	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1538	09.165	Tiếng Anh	Phùng Đức	Kiên	16	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1539	09.202	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Minh	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1540	09.244	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Ý	Nhi	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	Ba
1541	09.259	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Phúc	13	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Ba
1542	09.291	Tiếng Anh	Dương Khánh	Quỳnh	29	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Ba
1543	09.005	Tiếng Anh	Đoàn Phúc	An	9	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Ba
1544	09.020	Tiếng Anh	Ngụy Phan	Anh	5	4	2003	Hà Nội	9A2	THCS Huỳnh Tấn Phát	QUẬN 7	Ba
1545	09.071	Tiếng Anh	Nguyễn Duy	Đại	23	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Kim Đồng	QUẬN 5	Ba
1546	09.083	Tiếng Anh	Vũ Thu	Giang	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1547	09.112	Tiếng Anh	Đặng Đình	Huy	13	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a14	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1548	09.125	Tiếng Anh	Lê Thị Cẩm	Hương	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1549	09.150	Tiếng Anh	Nguyễn Đăng	Khoa	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1550	09.272	Tiếng Anh	Nguyễn Minh	Phương	12	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
1551	09.273	Tiếng Anh	Đông Hoàng Nam	Phương	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1552	09.303	Tiếng Anh	Phan Huy Đức	Tài	9	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1553	09.341	Tiếng Anh	Dương	Thủy	4	5	2003	Hà Nội	9	THCS Thế Giới Trẻ Em	BÌNH CHÁNH	Ba
1554	09.370	Tiếng Anh	Hồ Nguyễn Thành	Trung	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
1555	09.049	Tiếng Anh	Nguyễn Huyền	Băng	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
1556	09.082	Tiếng Anh	Hà Nguyễn Nhất	Gia	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A 1	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba
1557	09.142	Tiếng Anh	Văn Đỗ Ngọc	Khánh	15	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
1558	09.215	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng Trúc	Ngân	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1559	09.242	Tiếng Anh	Hoàng Thanh	Nhi	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1560	09.246	Tiếng Anh	Lê Thị Yên	Nhi	23	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1561	09.268	Tiếng Anh	Nguyễn Đào Liên	Phương	19	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Ba
1562	09.282	Tiếng Anh	Huỳnh Minh	Quân	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	Ba
1563	09.295	Tiếng Anh	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1564	09.320	Tiếng Anh	Vương Đình Phúc	Thảo	18	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	QUẬN 3	Ba
1565	09.375	Tiếng Anh	Trần Vĩnh	Tú	4	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
1566	09.014	Tiếng Anh	Lê Minh	Anh	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A	THCS Nam Sài Gòn	QUẬN 7	Ba
1567	09.027	Tiếng Anh	Hồ Nguyễn Quốc	Anh	28	4	2003	Hà Nội	9A7	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1568	09.034	Tiếng Anh	Trần Lâm Tuấn	Anh	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_03	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1569	09.042	Tiếng Anh	Nguyễn Tường	Bách	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Ba
1570	09.052	Tiếng Anh	Dương Vũ Quỳnh	Chi	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
1571	09.105	Tiếng Anh	Trần Đình Lê	Hoàng	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Ba
1572	09.167	Tiếng Anh	Văn Gia	Kiệt	22	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1573	09.170	Tiếng Anh	Trần Vĩ	Kiệt	16	8	2003		9/2	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
1574	09.171	Tiếng Anh	Dương Lê Thúy	Kiều	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Ba
1575	09.276	Tiếng Anh	Nguyễn Đức	Quang	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1576	09.305	Tiếng Anh	Hồ Huỳnh Minh	Tâm	13	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	Ba
1577	09.056	Tiếng Anh	Vũ Thanh	Danh	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
1578	09.065	Tiếng Anh	Phạm Quốc	Duy	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a14	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1579	09.090	Tiếng Anh	Trần Hoàng Nhật	Hà	14	1	2003	Ninh Thuận	9A1	THCS-THPT Đinh Thiện Lý	QUẬN 7	Ba
1580	09.101	Tiếng Anh	Bùi Ngọc Quỳnh	Hân	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1581	09.214	Tiếng Anh	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	31	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Ba
1582	09.226	Tiếng Anh	Trần Phan Minh	Ngọc	13	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
1583	09.261	Tiếng Anh	Phạm Quốc Huy	Phúc	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh	QUẬN 11	Ba
1584	09.262	Tiếng Anh	Nguyễn Nam	Phúc	13	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1585	09.269	Tiếng Anh	Trần Hồng Mai	Phương	7	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
1586	09.304	Tiếng Anh	Bùi Minh	Tâm	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
1587	09.316	Tiếng Anh	Lê Tiến	Thành	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
1588	09.327	Tiếng Anh	Trần Ngọc Bảo	Thi	2	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Chi Lăng	QUẬN 4	Ba
1589	09.369	Tiếng Anh	Lê Thanh	Trúc	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
1590	09.029	Tiếng Anh	Trần Bảo Thiện	Anh	7	2	2003		9/2	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
1591	09.040	Tiếng Anh	Vũ Thiên	Ân	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Ba
1592	09.054	Tiếng Anh	Lê Tạ Hoàng	Chương	20	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Lê Tấn Bê	BÌNH TÂN	Ba
1593	09.116	Tiếng Anh	Nguyễn Lê	Huy	17	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
1594	09.146	Tiếng Anh	Lê Dương Vĩnh	Khiêm	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1595	12.014	Tiếng Nhật	Koki	Nakada	2	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhất
1596	12.022	Tiếng Nhật	Lê Thị Minh	Thảo	21	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhất
1597	12.015	Tiếng Nhật	Nguyễn Hoàng	Nam	10	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhất
1598	12.005	Tiếng Nhật	Nguyễn Ngọc Uyên	Khanh	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1599	12.010	Tiếng Nhật	Phan Khánh	Linh	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1600	12.003	Tiếng Nhật	Hồ Vinh	Danh	26	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1601	12.001	Tiếng Nhật	Trần Lê Vân	An	9	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1602	12.002	Tiếng Nhật	Thái Gia	Bảo	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1603	12.004	Tiếng Nhật	Nguyễn Thị Nhân	Hòa	1	6	2003	Hải Phòng	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1604	12.018	Tiếng Nhật	Đỗ Thị Bảo	Ngọc	30	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1605	12.009	Tiếng Nhật	Nguyễn Hoàng	Liên	26	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1606	12.011	Tiếng Nhật	Nguyễn Lê Mai	Linh	6	10	2003	Hà Nội	9_14	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1607	12.021	Tiếng Nhật	Vũ Khánh	Như	7	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1608	12.028	Tiếng Nhật	Nguyễn Việt Anh	Thy	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
1609	12.024	Tiếng Nhật	Bạch Nhật Thanh	Thiên	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1610	12.025	Tiếng Nhật	Phạm Xuân	Thu	3	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
1611	12.012	Tiếng Nhật	Nguyễn Thu	Loan	21	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
1612	12.019	Tiếng Nhật	Trần Thiên Bảo	Ngọc	10	1	2002	Tp Hồ Chí Minh	9_15	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1613	12.006	Tiếng Nhật	Nguyễn Thị Vân	Khánh	10	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Ba
1614	10.004	Tiếng Pháp	Nguyễn Võ Trúc	Hà	15	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhất
1615	10.021	Tiếng Pháp	Lê Ngọc Nam	Thi	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhất
1616	10.009	Tiếng Pháp	Dương Minh	Khôi	29	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhất
1617	10.010	Tiếng Pháp	Thân Ngọc Minh	Khuê	16	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1618	10.015	Tiếng Pháp	Trần Diễm Thảo	Nghi	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1619	10.026	Tiếng Pháp	Lạc Gia	Tuệ	30	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
1620	10.018	Tiếng Pháp	Đinh Lê Minh	Quân	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1621	10.017	Tiếng Pháp	Phạm Thịnh	Phát	8	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
1622	10.025	Tiếng Pháp	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1623	10.011	Tiếng Pháp	Nguyễn Ngọc Bảo	Kim	16	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1624	10.003	Tiếng Pháp	Nguyễn Hoàng	Dung	16	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
1625	10.028	Tiếng Pháp	Văn Như	Tuyền	20	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
1626	10.019	Tiếng Pháp	Huỳnh Ngọc Nhã	Tâm	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1627	10.027	Tiếng Pháp	Phạm Duy	Tùng	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1628	10.014	Tiếng Pháp	Trương Hoàng Đăng	Minh	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1629	10.002	Tiếng Pháp	Nguyễn Xuân	Diệp	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P2	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1630	10.008	Tiếng Pháp	Hồ Ngọc Vân	Khanh	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P1	THCS Colette	QUẬN 3	Ba
1631	11.021	Tiếng Trung	Đặng Y	Kỳ	20	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhất
1632	11.010	Tiếng Trung	Lu Pei	Fu	1	11	2000	ĐÀI LOAN	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Nhất
1633	11.014	Tiếng Trung	Quan Tú	Huệ	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9H3	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Nhất
1634	11.043	Tiếng Trung	Huỳnh Huệ	Tâm	14	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Nhất
1635	11.034	Tiếng Trung	Trần Vận	Như	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhất
1636	11.029	Tiếng Trung	Nhung Tuệ	Nghi	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1637	11.052	Tiếng Trung	Đỗ Thúy	Vân	29	6	2003	ĐÀI LOAN	9/2	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Nhì
1638	11.040	Tiếng Trung	Trần Nhi	San	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9H5	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Nhì
1639	11.044	Tiếng Trung	Vương Đan	Thanh	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Nhì
1640	11.006	Tiếng Trung	Hậu Tuyết	Dinh	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Nhì
1641	11.017	Tiếng Trung	Từ Bửu	Khang	14	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Nhì
1642	11.030	Tiếng Trung	Huỳnh Tuyết	Nghi	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1643	11.046	Tiếng Trung	Tô Bội	Thi	7	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Nhì
1644	11.026	Tiếng Trung	Tô Phụng	Mi	24	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Nhì
1645	11.028	Tiếng Trung	Lưu Stesphanie Giai	Nghi	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Nhì
1646	11.013	Tiếng Trung	Trần Mẫn	Hiền	16	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Nhì
1647	11.004	Tiếng Trung	Lý Quân	Di	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Ba
1648	11.031	Tiếng Trung	Tô Tuyết	Ngọc	4	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
1649	11.002	Tiếng Trung	Trương Gia	Ân	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Bội Cơ	QUẬN 5	Ba
1650	11.025	Tiếng Trung	Sui Gia	Mẫn	14	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1651	11.032	Tiếng Trung	Lê Bảo Ngọc	Nhi	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Ba
1652	11.018	Tiếng Trung	Lương Viên	Khánh	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Ba
1653	11.041	Tiếng Trung	Tạ Huệ	Sang	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
1654	11.001	Tiếng Trung	Phan Ngọc	Anh	2	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	Ba
1655	11.011	Tiếng Trung	Ôn Tuấn	Hào	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Mạch Kiếm Hùng	QUẬN 5	Ba
1656	11.050	Tiếng Trung	Du Tú	Văn	10	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
1657	11.053	Tiếng Trung	Thi	Wendy	9	7	2002	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Ba
1658	11.042	Tiếng Trung	Đặng Uyên	Sâm	17	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
1659	11.009	Tiếng Trung	Sú Thế	Đạt	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1660	11.051	Tiếng Trung	Mã Nhã	Vân	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	TH, THCS và THPT Văn Lang	QUẬN 5	Ba
1661	11.019	Tiếng Trung	Lê Quang	Khương	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	Ba
1662	11.005	Tiếng Trung	Bô Huệ	Dinh	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phú Thọ	QUẬN 11	Ba
1663	11.015	Tiếng Trung	Nguyễn Quốc	Hùng	15	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phạm Ngọc Thạch	TÂN BÌNH	Ba
1664	05.061	Tin học	Nguyễn Võ Nam	Khánh	12	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhất
1665	05.079	Tin học	Lê Vũ Ngân	Lam	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhất
1666	05.108	Tin học	Nguyễn Ngọc Minh	Nghĩa	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9B	THCS Nam Sài Gòn	QUẬN 7	Nhất
1667	05.140	Tin học	Nguyễn Trần Mai	Phương	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhất
1668	05.121	Tin học	Trần Thụy Ái	Nhân	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	Nhất
1669	05.050	Tin học	Nguyễn Vũ Đăng	Huy	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhất
1670	05.002	Tin học	Trần Hữu Phúc	An	20	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1671	05.008	Tin học	Nguyễn Quốc	Anh	1	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Huệ	TÂN PHÚ	Nhì
1672	05.012	Tin học	Nguyễn Hà Việt	Anh	7	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhì
1673	05.013	Tin học	Trần Ngọc Việt	Anh	4	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1674	05.019	Tin học	Kha Minh	Bảo	17	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1675	05.062	Tin học	Trần Đỗ Anh	Khoa	11	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhì
1676	05.078	Tin học	Nguyễn Chương	Kỳ	15	3	2003	Hậu Giang	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1677	05.081	Tin học	Nguyễn Phúc Bảo	Lâm	27	2	2003	Lâm Đồng	9A9	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1678	05.087	Tin học	Nguyễn Đức Việt	Linh	24	12	2003	Thái Bình	9A10	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
1679	05.091	Tin học	Đỗ Tấn	Lộc	7	11	2003	Gia Lai	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhì
1680	05.093	Tin học	Nguyễn Thanh Thảo	Ly	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhì
1681	05.096	Tin học	Đỗ Nguyễn Bình	Minh	31	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhì
1682	05.097	Tin học	Nguyễn Hoàng	Minh	31	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
1683	05.104	Tin học	Lưu Kim	Ngân	10	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
1684	05.133	Tin học	Nguyễn Gia	Phát	1	1	2003	Tiền Giang	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1685	05.147	Tin học	Lê Minh	Quân	5	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	QUẬN 12	Nhì
1686	05.157	Tin học	Nguyễn Hồng	Thái	22	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1687	05.162	Tin học	Lê Việt	Thành	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Nhì
1688	05.166	Tin học	Nguyễn Phước	Thịnh	28	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhì
1689	05.172	Tin học	Huỳnh Thanh	Thủy	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1690	05.173	Tin học	Võ Minh Anh	Thư	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1691	05.187	Tin học	Lê Vũ Ngân	Trúc	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhì
1692	05.080	Tin học	Vũ Lưu Hoàng	Lan	12	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
1693	05.107	Tin học	Võ Huỳnh Đại	Nghĩa	2	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhì
1694	05.112	Tin học	Tạ Như	Ngọc	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Võ Trường Toản	QUẬN 1	Nhì
1695	05.115	Tin học	Nguyễn Khôi	Nguyên	15	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
1696	05.117	Tin học	Đoàn Lê	Nguyên	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	Nhì
1697	05.127	Tin học	Nguyễn Thảo	Nhi	12	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1698	05.036	Tin học	Trần Tuấn	Đạt	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Nhì
1699	05.171	Tin học	Phạm Phương	Thúy	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1700	05.010	Tin học	Yang Tuấn	Anh	31	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1701	05.018	Tin học	Huỳnh Kim	Bảo	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1702	05.044	Tin học	Nguyễn Hữu	Hào	2	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba
1703	05.051	Tin học	Huỳnh Gia	Huy	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Ba
1704	05.056	Tin học	Nguyễn Trọng Gia	Hưng	25	8	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Ba
1705	05.066	Tin học	Huỳnh Nhật	Khoa	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Ba
1706	05.076	Tin học	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	Ba
1707	05.098	Tin học	Phan Hoàng	Minh	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1708	05.099	Tin học	Bùi Nguyễn Nhật	Minh	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
1709	05.100	Tin học	Khâu Đặng Tường	Minh	7	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1710	05.102	Tin học	Huỳnh Bảo	Ngân	10	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1711	05.110	Tin học	Lê Minh Ánh	Ngọc	21	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1712	05.149	Tin học	Phạm Văn Tấn	Sang	27	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1713	05.177	Tin học	Lê Tấn Minh	Toàn	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phước Lộc	NHÀ BÈ	Ba
1714	05.190	Tin học	Lê Trần Minh	Trung	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1715	05.201	Tin học	Hoàng Đức	Việt	4	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1716	05.205	Tin học	Tào Cẩm	Xương	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1717	05.085	Tin học	Phan Mỹ	Linh	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Ba
1718	05.188	Tin học	Nguyễn Chí	Trung	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Gò Vấp	GÒ VẤP	Ba
1719	05.189	Tin học	Huỳnh Minh	Trung	25	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
1720	05.020	Tin học	Nguyễn Quốc Thái	Bảo	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1721	05.025	Tin học	Phạm Vi Phú	Chi	19	4	2003	Gia Lai	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1722	05.033	Tin học	Lê Văn	Đào	8	2	2003	Đồng Nai	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	Ba
1723	05.064	Tin học	Nguyễn Đăng	Khoa	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1724	05.069	Tin học	Lê Chung	Khôi	10	6	2003	Kiên Giang	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1725	05.086	Tin học	Nguyễn Tùng	Linh	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1726	05.123	Tin học	Hoàng Phi	Nhân	2	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
1727	05.125	Tin học	Lê Anh	Nhi	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1728	05.181	Tin học	Đặng Đức	Trí	5	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1729	05.067	Tin học	Đặng Hoàng Anh	Khôi	5	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A16	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Ba
1730	05.120	Tin học	Nguyễn Hữu Minh	Nguyễn	9	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lợi	TÂN PHÚ	Ba
1731	05.122	Tin học	Tô Châu Hảo	Nhân	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1732	05.150	Tin học	Bùi Đoàn Thế	Sang	7	6	2003	Bà Rịa - VT	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
1733	05.168	Tin học	Tăng Tường	Thoại	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba
1734	05.179	Tin học	Lê Bảo	Trân	21	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Ba
1735	05.043	Tin học	Thân Nguyễn Đức	Hải	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Ba
1736	05.145	Tin học	Võ Đồng	Quân	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1737	05.191	Tin học	Trần Việt	Trung	8	10	2003	Trung Quốc	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Ba
1738	05.054	Tin học	Nguyễn Minh	Huy	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trường Thạnh	QUẬN 9	Ba
1739	05.007	Tin học	Nguyễn Phúc	Anh	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1740	05.060	Tin học	Nguyễn Công	Khanh	11	7	2003	An Giang	9/6	THCS Đoàn Kết	QUẬN 6	Ba
1741	05.132	Tin học	Trần Đại	Niên	3	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9H4	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba
1742	05.154	Tin học	Nguyễn Thành	Tài	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
1743	05.200	Tin học	Võ Đồng	Văn	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1744	05.068	Tin học	Nguyễn Cao	Khôi	27	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1745	05.146	Tin học	Nguyễn Trần Hoàng	Quân	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1746	05.178	Tin học	Phạm Ngọc	Trai	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
1747	05.194	Tin học	Vương Quang Việt	Tùng	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1748	05.116	Tin học	Nguyễn Phúc Khôi	Nguyễn	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
1749	05.165	Tin học	Huỳnh Lâm Ngọc	Thịnh	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Ba
1750	05.144	Tin học	Võ Thành	Quang	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1751	05.017	Tin học	Nguyễn Gia	Bảo	6	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-1	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
1752	05.090	Tin học	Trần Dương Đắc	Lộc	6	5	2003	Khánh Hòa	9A2	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Ba
1753	05.092	Tin học	Võ Trọng	Luân	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
1754	05.106	Tin học	Trần Thanh	Ngân	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Ba
1755	05.070	Tin học	Đỗ Minh	Khôi	20	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Ba
1756	05.105	Tin học	Đồng Phương	Ngân	6	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn An Ninh	QUẬN 12	Ba
1757	01.005	Toán	Trần Song Hà	Anh	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1758	01.013	Toán	Nguyễn Đoàn Phương	Anh	2	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1759	01.204	Toán	Lê Trung	Nghĩa	9	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1760	01.303	Toán	Phan Hoàng Trường	Thọ	29	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Nhất
1761	01.125	Toán	Trần Nguyễn Nam	Hưng	13	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhất
1762	01.130	Toán	Lã Nguyễn Gia	Hy	16	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1763	01.046	Toán	Nguyễn Lê Hoàng	Duy	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
1764	01.184	Toán	Phạm Thị Uyên	Minh	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhất
1765	01.188	Toán	Nguyễn Kim Huế	Nam	10	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1766	01.206	Toán	Võ Bảo	Ngọc	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất
1767	01.167	Toán	Lê Thanh Mai	Linh	2	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1768	01.090	Toán	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1769	01.263	Toán	Nguyễn Phạm Minh	Quân	19	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1770	01.133	Toán	Nguyễn Bảo	Khang	7	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1771	01.098	Toán	Hoàng Minh	Hiếu	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Ba Đình	QUẬN 5	Nhất
1772	01.192	Toán	Vu Phương	Nam	23	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1773	01.237	Toán	Huỳnh Lê An	Phú	22	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
1774	01.241	Toán	Nguyễn Hữu	Phúc	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhất
1775	01.261	Toán	Trần Lê Minh	Quân	25	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1776	01.324	Toán	Nguyễn Trọng	Tín	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhất
1777	01.152	Toán	Nguyễn Thanh	Khôi	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhất
1778	01.157	Toán	Phan Huỳnh Tuấn	Kiệt	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Khởi	QUẬN 1	Nhất
1779	01.042	Toán	Dương Thanh	Dũng	9	1	2003	Hà Nội	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất
1780	01.189	Toán	Nguyễn Khắc	Nam	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Ngô Sĩ Liên	TÂN BÌNH	Nhất
1781	01.243	Toán	Trần Thiên	Phúc	17	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Nhất
1782	01.135	Toán	Võ Như	Khang	24	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1783	01.146	Toán	Thái Nguyễn Đăng	Khoa	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Nhất
1784	01.160	Toán	Huỳnh Thiên	Kim	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	Nhất
1785	01.176	Toán	Nguyễn Lê Ngọc	Mai	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Nhất
1786	01.178	Toán	Trần Hà Bình	Minh	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
1787	01.039	Toán	Lương Trần Công	Danh	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trần Quang Khải	TÂN PHÚ	Nhất
1788	01.053	Toán	Nguyễn Trịnh	Duy	19	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất
1789	01.070	Toán	Ngô Huỳnh Khánh	Đoan	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhất
1790	01.002	Toán	Bùi Nguyễn Hữu	An	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
1791	01.195	Toán	Nguyễn Hoàng Thiên	Nga	10	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1792	01.211	Toán	Nguyễn Thuý	Ngọc	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
1793	01.251	Toán	Nguyễn Phan Thanh	Phương	31	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Nhì
1794	01.281	Toán	Trịnh Gia	Thành	28	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1795	01.144	Toán	Nguyễn Lâm Đăng	Khoa	8	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
1796	01.180	Toán	Hà Quang	Minh	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Nhì
1797	01.354	Toán	Thạch Đăng Minh	Uyên	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Nhì
1798	01.077	Toán	Lê Trường	Giang	18	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1799	01.081	Toán	Lê Trung	Hải	19	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1800	01.217	Toán	Huỳnh Trọng	Nhân	2	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Nhì
1801	01.259	Toán	Trần Thiện	Quang	5	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1802	01.257	Toán	Nguyễn Nhật	Quang	9	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
1803	01.322	Toán	Nguyễn Quang Minh	Tiến	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1804	01.338	Toán	Nguyễn Phạm Minh	Trí	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1805	01.028	Toán	Trần Quốc	Bảo	8	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
1806	01.058	Toán	Nguyễn Hữu	Đạt	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Vân Đồn	QUẬN 4	Nhì
1807	01.069	Toán	Mai Quang	ĐịNh	9	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1808	01.085	Toán	Đoàn Thị Thanh	Hằng	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
1809	01.258	Toán	Phạm Hồ Thanh	Quang	18	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Nhì
1810	01.036	Toán	Lê Đức	Cường	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
1811	01.049	Toán	Trần Nhật	Duy	24	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhì
1812	01.006	Toán	Phạm Nguyễn Hải	Anh	12	1	2003	Tiền Giang	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1813	01.009	Toán	Nguyễn Lan	Anh	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Nhì
1814	01.014	Toán	Trần Ngọc Quế	Anh	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
1815	01.182	Toán	Nguyễn Tuấn	Minh	2	12	2003	Hà Nội	9A1	THCS Phạm Hữu Lầu	QUẬN 7	Nhì
1816	01.215	Toán	Nguyễn Thiện	Nhân	11	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	Nhì
1817	01.240	Toán	Đình Hoàng	Phúc	22	12	2003	Bà Rịa - VT	9/1	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1818	01.252	Toán	Nguyễn Đình	Quang	24	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
1819	01.300	Toán	Lê Quốc	Thịnh	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Nhì
1820	01.306	Toán	Nguyễn Huỳnh Việt	Thống	9	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1821	01.128	Toán	Nguyễn Phan Hoài	Hương	2	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
1822	01.037	Toán	Lưu Lê Khải	Cường	26	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhì
1823	01.068	Toán	Nguyễn Trọng	Đăng	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Hưng Hòa	BÌNH TÂN	Nhì
1824	01.104	Toán	Võ Kế	Hoàng	19	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A19	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhì
1825	01.111	Toán	Nguyễn Đức Bảo	Huy	1	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
1826	01.210	Toán	Lê Nguyễn Thanh	Ngọc	8	5	2003	An Giang	9A2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
1827	01.218	Toán	Đặng Dương Minh	Nhật	19	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Thông Tây Hội	GÒ VẤP	Nhì
1828	01.001	Toán	Lý Gia	An	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhì
1829	01.209	Toán	Đào Phương	Ngọc	2	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Nhì
1830	01.235	Toán	Nguyễn Hà	Phong	26	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	Nhì
1831	01.248	Toán	Nguyễn Cao Minh	Phương	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
1832	01.278	Toán	Phạm Nhật	Thanh	3	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
1833	01.291	Toán	Nguyễn Trang	Thảo	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
1834	01.297	Toán	Nguyễn Văn Minh	Thiện	7	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Nhì
1835	01.129	Toán	Trần Minh	Hương	27	6	2003	Cần Thơ	9/11	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
1836	01.137	Toán	Âu Vĩnh	Khang	19	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
1837	01.151	Toán	Trần Minh	Khôi	26	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
1838	01.153	Toán	Huỳnh Duy	Khuê	9	11	2003	An Giang	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
1839	01.358	Toán	Huỳnh Diễm Trúc	Uyên	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhì
1840	01.065	Toán	Đoàn Tiến	Đạt	4	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Nhì
1841	01.078	Toán	Trần Trường	Giang	22	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hà Huy Tập	BÌNH THẠNH	Nhì
1842	01.103	Toán	Trịnh Huy	Hoàng	14	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
1843	01.271	Toán	Nguyễn Trường	Son	15	6	2003	Nghệ An	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	QUẬN 2	Nhì
1844	01.040	Toán	Phạm Nguyễn Ngọc	Diễm	24	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Nhì
1845	01.010	Toán	Phạm Nguyễn Lan	Anh	18	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
1846	01.207	Toán	Trần Thị Bích	Ngọc	19	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Nhì
1847	01.227	Toán	Lâm Thảo	Như	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1848	01.229	Toán	Lê Nguyễn Kiều	Oanh	19	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
1849	01.255	Toán	Bùi Minh	Quang	27	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
1850	01.262	Toán	Nguyễn Minh	Quân	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Nhì
1851	01.330	Toán	Phạm Thùy	Trang	23	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
1852	01.139	Toán	Trương Lê Gia	Khánh	1	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Trường Thọ	THỦ ĐỨC	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1853	01.142	Toán	Nguyễn Vũ	Khánh	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
1854	01.165	Toán	Hà Gia	Linh	29	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhì
1855	01.168	Toán	Phan Thùy	Linh	25	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Nhì
1856	01.171	Toán	Nguyễn Đức	Long	29	9	2003	Hà Nội	9A2	THCS Văn Đồng	QUẬN 4	Nhì
1857	01.172	Toán	Nguyễn Hoàng	Long	27	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
1858	01.352	Toán	Nguyễn Thanh	Tùng	25	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Nhì
1859	01.038	Toán	Nguyễn Tuấn	Cường	23	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Phước Thạnh	CỦ CHI	Nhì
1860	01.048	Toán	Trần Lê Minh	Duy	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Phú	QUẬN 10	Nhì
1861	01.056	Toán	Trần Lê Triều	Dương	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Nhì
1862	01.060	Toán	Phan Trần Minh	Đạt	22	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Nhì
1863	01.121	Toán	Nguyễn Vũ Quang	Huy	3	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Hoàng Quốc Việt	QUẬN 7	Nhì
1864	01.191	Toán	Đặng Ngọc Phương	Nam	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1865	01.197	Toán	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Ba
1866	01.199	Toán	La Thái	Ngân	16	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
1867	01.208	Toán	Nguyễn Hồng	Ngọc	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
1868	01.223	Toán	Nguyễn Nhật Yên	Nhi	7	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.7	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	Ba
1869	01.231	Toán	Trần Kim	Phát	5	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Ba
1870	01.242	Toán	Nguyễn Cao Thiên	Phúc	15	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1871	01.249	Toán	Trần Nam	Phương	5	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A10	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
1872	01.284	Toán	Kiều Tiến	Thành	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_01	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1873	01.293	Toán	Lâm Vân	Thiên	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1874	01.304	Toán	Đặng Thái Minh	Thông	1	1	2003	MTho-TiềnGiang	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1875	01.311	Toán	Phạm Minh	Thùy	30	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1876	01.369	Toán	Thái Như	Ý	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1877	01.034	Toán	Nguyễn Ngọc	Chương	23	8	2003	Ninh Thuận	9/2	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1878	01.043	Toán	Nguyễn Tiến	Dũng	10	8	2003	Hà Nội	9-12	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
1879	01.061	Toán	Nguyễn Phước	Đạt	14	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1880	01.082	Toán	Võ Xuân	Hải	14	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.10	THCS Bình Tân	BÌNH TÂN	Ba
1881	01.091	Toán	Huỳnh Gia	Hân	18	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1882	01.107	Toán	Trần Hữu Nhật	Hoàng	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1883	01.113	Toán	Bùi Đức	Huy	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1884	01.120	Toán	Phạm Quang	Huy	11	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
1885	01.122	Toán	Trương Quốc	Huy	24	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
1886	01.238	Toán	Tôn Gia	Phú	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1887	01.150	Toán	Võ Anh	Khôi	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Colette	QUẬN 3	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1888	01.067	Toán	Trương Minh	Đăng	26	4	2003	Đồng Nai	9/2	THCS Linh Trung	THỦ ĐỨC	Ba
1889	01.015	Toán	Huỳnh Quỳnh	Anh	30	8	2003	Khánh Hòa	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1890	01.181	Toán	Bùi Vũ Thế	Minh	26	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1891	01.198	Toán	Nguyễn Trần Kim	Ngân	17	11	2003	Quảng Ngãi	9A15	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
1892	01.220	Toán	Nguyễn Như Ngọc	Nhi	12	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
1893	01.292	Toán	Ngô Quốc	Thắng	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba
1894	01.298	Toán	Nguyễn Quang	Thiện	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1895	01.334	Toán	Trần Thụy Bảo	Trân	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1896	01.169	Toán	Phan Thùy	Linh	22	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1897	01.025	Toán	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	8	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lý Thánh Tông	QUẬN 8	Ba
1898	01.045	Toán	Võ Chí	Dương	7	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lam Sơn	BÌNH THẠNH	Ba
1899	01.080	Toán	Hoàng Trọng	Hải	11	10	2003	Bình Định	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
1900	01.159	Toán	Vũ Tuấn	Kiệt	17	10	2003	Nam Định	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1901	01.035	Toán	Nguyễn Phi	Công	14	9	2003	Quảng Nam	9/1	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Ba
1902	01.019	Toán	Lê Thiên	Ân	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1903	01.186	Toán	Hồ Ngô Trà	My	5	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1904	01.193	Toán	Lương Thanh	Nam	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
1905	01.270	Toán	Nguyễn Ngọc Phúc	Sang	9	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Ba
1906	01.328	Toán	Nguyễn Thị Kiều	Trang	17	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A13	THCS Ngô Chí Quốc	THỦ ĐỨC	Ba
1907	01.348	Toán	Đỗ Anh	Tuấn	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Văn Đồn	QUẬN 4	Ba
1908	01.361	Toán	Trương Hoàng	Việt	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
1909	01.044	Toán	Phan Văn	Dũng	6	8	2003	Quảng Bình	9/1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Ba
1910	01.074	Toán	Nguyễn Lê Minh	Đức	7	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1911	01.086	Toán	Liêu Thị Thanh	Hằng	19	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
1912	01.232	Toán	Lê Tấn	Phát	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1913	01.256	Toán	Lê Nguyễn Minh	Quang	8	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
1914	01.260	Toán	Cao Minh	Quân	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_10	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1915	01.272	Toán	Bùi Xuân Tuyết	Sơn	28	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1916	01.277	Toán	Nguyễn Mạnh	Thanh	14	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
1917	01.285	Toán	Đặng Trung	Thành	24	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Thị Trấn	HÓC MÔN	Ba
1918	01.295	Toán	Huỳnh Đức	Thiện	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_02	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
1919	01.302	Toán	Trần Ngô Quốc	Thịnh	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Ba
1920	01.315	Toán	Hoàng Anh	Thư	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Đồng Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1921	01.316	Toán	Nguyễn Kim Anh	Thư	25	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
1922	01.339	Toán	Tạ Thành	Trí	24	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1923	01.126	Toán	Phạm Đoàn Nguyên	Hưng	26	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
1924	01.143	Toán	Vĩnh Bảo Đăng	Khoa	31	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A 8	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba
1925	01.164	Toán	Hồ Hoàng Thanh	Liên	2	3	2003	Quảng Ngãi	9/5	THCS Nguyễn Trãi	BÌNH TÂN	Ba
1926	01.173	Toán	Nguyễn Ngọc	Long	4	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT2	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1927	01.342	Toán	Nguyễn Đăng Minh	Trúc	9	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1928	01.050	Toán	Nguyễn Phương	Duy	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
1929	01.052	Toán	Nguyễn Quốc	Duy	4	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Khánh	CẦN GIỜ	Ba
1930	01.073	Toán	Đỗ Dự	Đức	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Ba
1931	01.087	Toán	Nguyễn Lưu Hoàng Bảo	Hân	2	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Trãi	GÒ VẤP	Ba
1932	01.114	Toán	Trần Nguyễn Gia	Huy	13	5	2003	An Giang	9A 6	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba
1933	01.119	Toán	Nguyễn Quang	Huy	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1934	01.017	Toán	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	22	11	2003	Bắc Ninh	9A2	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba
1935	01.216	Toán	Nguyễn Trần Thiện	Nhân	13	4	2003	Thừa Thiên-Huế	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1936	01.331	Toán	Trương Thị Thùy	Trang	31	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/12	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1937	01.138	Toán	Nguyễn Huỳnh Phương	Khanh	14	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1938	01.156	Toán	Đỗ Minh	Khương	29	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Ba
1939	01.175	Toán	Lê Nguyễn Phước	Lộc	2	3	2003	Vĩnh Long	9A10	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
1940	01.367	Toán	Phan Thúy	Vy	25	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A14	THCS Lê Quý Đôn	THỦ ĐỨC	Ba
1941	01.031	Toán	Trịnh Nguyên	Bình	26	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Ba
1942	01.033	Toán	Trịnh Uyên	Chi	1	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1943	01.047	Toán	Nguyễn Mạnh	Duy	2	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Nguyễn Văn Luông	QUẬN 6	Ba
1944	01.110	Toán	Trịnh Đình	Hùng	25	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9B1	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Ba
1945	01.063	Toán	Đỗ Thành	Đạt	17	3	2003	Lâm Đồng	9.5	THCS Bình An	QUẬN 2	Ba
1946	01.185	Toán	Nguyễn Ngọc Thảo	My	28	2	2003	Quảng Nam	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1947	01.196	Toán	Lê Nguyễn Kim	Ngân	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Phong Phú	BÌNH CHÁNH	Ba
1948	01.221	Toán	Đào Lê Phương	Nhi	16	6	2003	Bà Rịa - VT	9/7	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Ba
1949	01.244	Toán	Lê Hải	Phụng	7	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
1950	01.288	Toán	Đinh Trần Minh	Thảo	23	1	2003	Tiền Giang	9A1	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
1951	01.294	Toán	Lê Chí	Thiện	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Ba
1952	01.305	Toán	Trần Minh	Thông	4	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1953	01.321	Toán	Nguyễn Duy	Tiến	15	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
1954	01.325	Toán	Lữ Trung	Tín	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1955	01.140	Toán	Trần Nhân	Khánh	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a4	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
1956	01.363	Toán	Lê Ngọc Khả	Vy	22	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
1957	01.032	Toán	Huỳnh Ngọc Minh	Châu	5	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1958	01.064	Toán	Trần Thành	Đạt	29	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Văn Linh	BÌNH CHÁNH	Ba
1959	01.075	Toán	Đặng Hoàng	Gia	11	3	2003	Quảng Bình	9/4	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
1960	01.094	Toán	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Ba
1961	01.097	Toán	Huỳnh Đặng Vĩnh	Hiền	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	Ba
1962	01.145	Toán	Phạm Lê Đăng	Khoa	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Ba
1963	01.224	Toán	Phùng Yển	Nhi	5	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Ba
1964	01.250	Toán	Huỳnh Phạm Nguyên	Phương	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
1965	01.274	Toán	Lê Võ Thanh	Tâm	28	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
1966	01.308	Toán	Lâm Hữu	Thuần	31	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba
1967	01.329	Toán	Trần Thị Minh	Trang	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Phú Mỹ	BÌNH THẠNH	Ba
1968	01.162	Toán	Nguyễn Quốc	Lân	25	6	2003	Đắk Lắk	9/1	THCS Vĩnh Lộc A	BÌNH CHÁNH	Ba
1969	01.359	Toán	Trần Khánh	Vân	14	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
1970	01.021	Toán	Nguyễn Trương Thiên	Ân	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Thanh Đa	BÌNH THẠNH	Ba
1971	01.022	Toán	Phạm Quốc	Bảo	1	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Độc Lập	PHÚ NHUẬN	Ba
1972	01.026	Toán	Trần Nguyễn Gia	Bảo	20	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
1973	01.059	Toán	Nguyễn Minh	Đạt	25	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
1974	01.083	Toán	Mai Hồng	Hạnh	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Ba
1975	01.118	Toán	Lê Phú	Huy	16	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Huệ	QUẬN 12	Ba
1976	01.027	Toán	Lê Thái Gia	Bảo	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A 6	THCS Lữ Gia	QUẬN 11	Ba
1977	01.029	Toán	Nguyễn Kiều Ngọc	Bích	12	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
1978	06.070	Văn	Lê Ngọc Minh	Hạnh	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất
1979	06.069	Văn	Đỗ Song Mai	Hạnh	14	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tăng Bạt Hồ A	QUẬN 4	Nhất
1980	06.267	Văn	Nguyễn Thanh	Thiên	18	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhất
1981	06.007	Văn	Nguyễn Thị Phương	An	21	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Nhất
1982	06.245	Văn	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	21	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Nhất
1983	06.166	Văn	Trần Ngọc Phương	Nghi	12	8	2003	Trà Vinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Nhất
1984	06.219	Văn	Phạm Quỳnh	Như	16	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhất
1985	06.313	Văn	Nguyễn Hoàng Quế	Trân	9	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Nhất
1986	06.330	Văn	Lê Phương	Uyên	15	10	2003			THCS Tăng Bạt Hồ A	QUẬN 4	Nhất
1987	06.132	Văn	Nguyễn Bảo	Ly	10	8	2003	Bình Định	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhất
1988	06.095	Văn	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất
1989	06.281	Văn	Lê Minh	Thư	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.H2	TH, THCS, THPT Việt Úc	PHÚ NHUẬN	Nhất
1990	06.288	Văn	Trần Thùy Cát	Tiên	14	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	Nhất
1991	06.310	Văn	Hà Ngọc	Trâm	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A18	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhất
1992	06.164	Văn	Nguyễn Lê Phương	Nghi	30	7	2003	Khánh Hòa	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	TÂN BÌNH	Nhất

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
1993	06.176	Văn	Trần Phan Bảo	Ngọc	24	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Nhất
1994	06.013	Văn	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	13	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhất
1995	06.210	Văn	Nguyễn Diệp Minh	Như	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Nhất
1996	06.127	Văn	Vũ Thụy Phương	Linh	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Nhất
1997	06.019	Văn	Ngô Thị Ngọc	Anh	18	4	2003	Quảng Ngãi	9/2	THCS Võ Văn Vân	BÌNH CHÁNH	Nhất
1998	06.208	Văn	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	30	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	Nhất
1999	06.252	Văn	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	31	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Phước Bình	QUẬN 9	Nhất
2000	06.163	Văn	Tô Bảo	Nghi	4	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhất
2001	06.360	Văn	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	8	4	2003	Quảng Ngãi	9A4	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhất
2002	06.363	Văn	Trâm Ngọc Yến	Vy	31	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Quang Trung	GÒ VẤP	Nhất
2003	06.218	Văn	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	7	10	2003	Long An	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Nhất
2004	06.247	Văn	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	6	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Nhất
2005	06.331	Văn	Đặng Hoàng Phương	Uyên	28	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Minh Đức	QUẬN 1	Nhất
2006	06.023	Văn	Đậu Quỳnh	Anh	13	3	2003	Đồng Tháp	9A1	THCS SƠN	GÒ VẤP	Nhất
2007	06.086	Văn	Trần Thị	Hiền	25	2	2003	Nam Định	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Nhất
2008	06.008	Văn	Trần Thùy	An	24	5	2003	Daklak	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Nhì
2009	06.012	Văn	Đào Trần Mai	Anh	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.3	THCS Tân Túc	BÌNH CHÁNH	Nhì
2010	06.017	Văn	Ngô Ngọc	Anh	11	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
2011	06.018	Văn	Hoàng Thị Ngọc	Anh	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhì
2012	06.183	Văn	Nguyễn Hạnh	Nguyên	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhì
2013	06.216	Văn	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	6	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tăng Bạt Hổ A	QUẬN 4	Nhì
2014	06.287	Văn	Trần Diệp Kim	Thy	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Nhì
2015	06.294	Văn	Bùi Lê Thủy	Tiên	19	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hùng Vương	TÂN PHÚ	Nhì
2016	06.308	Văn	Đoàn Ngọc Huyền	Trâm	17	10	2003	LONG AN	9A2	THCS Đa Phước	BÌNH CHÁNH	Nhì
2017	06.315	Văn	Lương Tổ	Trình	30	6	2003	Thừa Thiên-Huế	9/5	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Nhì
2018	06.322	Văn	Phạm Gia	Tuấn	25	9	2003	Hải Phòng	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
2019	06.122	Văn	Dương Khánh	Linh	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 12	Nhì
2020	06.174	Văn	Hoàng Bảo	Ngọc	29	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
2021	06.343	Văn	Ngô Tường	Vi	21	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Nhì
2022	06.038	Văn	Phan Bảo	Châu	14	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bạch Đằng	QUẬN 3	Nhì
2023	06.063	Văn	Vũ Minh	Đức	6	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a10	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
2024	06.064	Văn	Võ Phạm Hồng	Gấm	14	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hiệp Phước	NHÀ BÈ	Nhì
2025	06.065	Văn	Nguyễn Hương	Giang	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Colette	QUẬN 3	Nhì
2026	06.014	Văn	Lê Trần Minh	Anh	31	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
2027	06.290	Văn	Võ Hoàng Mỹ	Tiên	28	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
2028	06.175	Văn	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	16	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Văn Việt	THỦ ĐỨC	Nhì
2029	06.349	Văn	Trần Khánh	Vy	22	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS SƠN	GÒ VẤP	Nhì
2030	06.040	Văn	Vũ Trương Quỳnh	Châu	8	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9P	THCS Trần Văn Ôn	QUẬN 1	Nhì
2031	06.097	Văn	Trịnh Nam	Hung	27	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	Nhì
2032	06.002	Văn	Nguyễn HoàNg Xuân	Ái	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhì
2033	06.010	Văn	Nguyễn Quách Hoàng	Anh	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
2034	06.198	Văn	Trương Khắc Trang	Nhi	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Nguyễn Gia Thiều	TÂN BÌNH	Nhì
2035	06.217	Văn	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	4	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
2036	06.225	Văn	Phạm Thái Hoàng	Oanh	7	6	2003	Thừa Thiên-Huế	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
2037	06.253	Văn	Ninh Thị Trúc	Quỳnh	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Nhì
2038	06.254	Văn	Nguyễn Ngô Thành	Tài	13	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC3	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
2039	06.258	Văn	Lê Hồ Thiên	Tâm	18	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Nhì
2040	06.272	Văn	Chung Nguyễn Thanh	Thùy	11	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Nhì
2041	06.323	Văn	Tiên Bích	Tuyền	9	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Nhì
2042	06.128	Văn	Ca Yến	Linh	23	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Nhì
2043	06.139	Văn	Phạm Ngọc Kiều	My	9	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Giồng Ông Tố	QUẬN 2	Nhì
2044	06.145	Văn	Nguyễn Lê Hoàn	Mỹ	27	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 11	Nhì
2045	06.170	Văn	Trần Vân	Nghi	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
2046	06.171	Văn	Trần Trịnh Vương	Nghi	5	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Du	QUẬN 1	Nhì
2047	06.348	Văn	Nguyễn Đặng Khánh	Vy	5	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Tân Bình	TÂN BÌNH	Nhì
2048	06.375	Văn	Hoàng	Yên	29	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Nhì
2049	06.037	Văn	Đặng Ngọc Bảo	Châu	25	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhì
2050	06.042	Văn	Nguyễn Lê Lan	Chi	5	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Nhì
2051	06.057	Văn	Nguyễn Lê Ái	Duyên	11	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Nhì
2052	06.061	Văn	Nguyễn Phạm Hiếu	Đan	11	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Nhì
2053	06.068	Văn	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	19	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Đoàn Kết	QUẬN 6	Nhì
2054	06.311	Văn	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Nhì
2055	06.312	Văn	Hàng Bảo	Trân	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
2056	06.129	Văn	Bùi Lê Hồng	Loan	21	5	2003		9/3	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Nhì
2057	06.152	Văn	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	25	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 9	Nhì
2058	06.159	Văn	Nguyễn Hoàng Thiên	Ngân	23	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	GÒ VẤP	Nhì
2059	06.352	Văn	Trần Minh	Vy	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
2060	06.361	Văn	Nguyễn Thanh Tường	Vy	11	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Hai Bà Trưng	QUẬN 3	Nhì
2061	06.093	Văn	Nguyễn Khánh Lê	Huyền	8	9	2003	Thừa Thiên-Huế	9A18	THCS Võ Thành Trang	TÂN PHÚ	Nhì
2062	06.099	Văn	Nguyễn Lê Quỳnh	Hương	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lê Lai	QUẬN 8	Nhì

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
2063	06.015	Văn	Phạm Vũ Minh	Anh	20	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lam Sơn	QUẬN 6	Nhì
2064	06.192	Văn	Quách Mẫn	Nhi	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Nhì
2065	06.228	Văn	Nguyễn Ngọc Diễm	Phúc	20	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
2066	06.231	Văn	Ngô Văn Hồng	Phương	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
2067	06.234	Văn	Nguyễn Minh	Phương	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
2068	06.241	Văn	Trần Thị Nguyệt	Quý	8	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Nhì
2069	06.268	Văn	Lai Thiên	Thiên	11	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
2070	06.273	Văn	Hồ Thị Thanh	Thúy	20	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Bình Chánh	BÌNH CHÁNH	Nhì
2071	06.282	Văn	Phan Ngọc Minh	Thư	12	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
2072	06.321	Văn	Bùi Anh	Tuấn	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Ngô Quyền	TÂN BÌNH	Nhì
2073	06.125	Văn	Trương Ngọc Phương	Linh	19	12	2003	Hà Nội	9/1	THCS Trần Quốc Toàn	QUẬN 2	Nhì
2074	06.133	Văn	Phạm Thị Ngọc	Mai	28	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Chiểu	THỦ ĐỨC	Nhì
2075	06.138	Văn	Nguyễn Khánh	My	14	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a4	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Nhì
2076	06.177	Văn	Nguyễn Hoài	Ngọc	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Phong Phú	BÌNH CHÁNH	Nhì
2077	06.334	Văn	Ngô Thảo	Uyên	2	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC2	THCS Nguyễn Hữu Thọ	QUẬN 7	Nhì
2078	06.357	Văn	Mai Hồ Thảo	Vy	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9AT1	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
2079	06.364	Văn	Nguyễn Hoàng Kỳ	Xuân	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tổ	QUẬN 10	Nhì
2080	06.371	Văn	Đặng Nguyễn Thanh	Yên	18	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Nhì
2081	06.036	Văn	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	10	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS Nguyễn An Khương	HÓC MÔN	Nhì
2082	06.046	Văn	Võ Hồng Ngọc	Diễm	5	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Nhì
2083	06.066	Văn	Nguyễn Bích	Hà	8	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Đức Trí	QUẬN 7	Nhì
2084	06.071	Văn	Lê Bách	Hào	12	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
2085	06.080	Văn	Lâm Đỗ Minh	Hân	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Nhì
2086	06.082	Văn	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	12	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Tân Nhựt	BÌNH CHÁNH	Nhì
2087	06.094	Văn	Lưu Mỹ	Huyền	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Nhì
2088	06.100	Văn	Nguyễn Lý Quỳnh	Hương	20	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	Nhì
2089	06.113	Văn	Huỳnh Ngô Văn	Kiệt	24	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Nhì
2090	06.118	Văn	Trần Hoàng	Lan	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Nhì
2091	06.016	Văn	Lê Ngọc	Anh	27	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
2092	06.136	Văn	Nguyễn Anh	Merry	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Tam Bình	THỦ ĐỨC	Ba
2093	06.155	Văn	Nguyễn Kim	Ngân	7	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A11	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
2094	06.169	Văn	Lâm Vũ Từ	Nghi	20	12	2003		9/2	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Ba
2095	06.341	Văn	Đặng Thị Thảo	Vi	20	6	2003	Bình Định	9.13	THCS Tân Tạo A	BÌNH TÂN	Ba
2096	06.350	Văn	Võ Thị Lan	Vy	18	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Tân Kiên	BÌNH CHÁNH	Ba
2097	06.353	Văn	Trương Hoàng Phương	Vy	23	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Quang Trung	QUẬN 4	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
2098	06.354	Văn	Huỳnh Diệp Thanh	Vy	7	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
2099	06.035	Văn	Lê HuyNh BảO	Châu	9	2	2003	Thừa Thiên-Huế	9A4	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
2100	06.089	Văn	Huỳnh Thị Mỹ	Hoa	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
2101	06.107	Văn	Trần Nguyễn Thụy	Khanh	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
2102	06.001	Văn	Nguyễn Minh	Ái	16	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Khánh Hội A	QUẬN 4	Ba
2103	06.004	Văn	Ngô Hoàng	An	18	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Văn Bé	BÌNH THẠNH	Ba
2104	06.009	Văn	Nguyễn Hà	Anh	17	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Trung Trực	QUẬN 12	Ba
2105	06.186	Văn	Trương Uyên	Nhã	23	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9_07	THCS Lê Quý Đôn	QUẬN 3	Ba
2106	06.188	Văn	Lê Đình	Nhân	25	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thới Hòa	TÂN PHÚ	Ba
2107	06.193	Văn	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	24	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9TC1	THCS Chánh Hưng	QUẬN 8	Ba
2108	06.194	Văn	Lê Nguyễn Quỳnh	Nhi	1	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS LÝ PHONG	QUẬN 5	Ba
2109	06.196	Văn	Nguyễn Trương Thảo	Nhi	23	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Hồng Bàng	QUẬN 5	Ba
2110	06.200	Văn	Đỗ Yến	Nhi	10	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	Ba
2111	06.205	Văn	Lê Thị Yến	Nhi	8	6	2003	Bình Định	9/2	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	Ba
2112	06.209	Văn	Lương Thị Khánh	Như	3	8	2003	Lâm đồng	9A3	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
2113	06.220	Văn	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	28	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
2114	06.223	Văn	Thái Sĩ Tường	Như	21	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phạm Văn Hai	BÌNH CHÁNH	Ba
2115	06.224	Văn	Võ Hoài	Nhựt	7	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Trung Lập	CỦ CHI	Ba
2116	06.235	Văn	Nguyễn Ngọc Nam	Phương	30	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	Trung học thực hành Sài Gòn	QUẬN 5	Ba
2117	06.237	Văn	Trần Võ Quỳnh	Phương	11	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-11	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Ba
2118	06.238	Văn	Nguyễn Thảo Uyên	Phương	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
2119	06.242	Văn	Phạm Nguyễn Gia	Quyên	10	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Phạm Văn Chiêu	GÒ VẤP	Ba
2120	06.246	Văn	Trình Lê Khánh	Quỳnh	20	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A15	THCS Phan Bội Châu	QUẬN 12	Ba
2121	06.255	Văn	Trần Thị Mai	Tâm	13	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
2122	06.261	Văn	Lý Kim	Thanh	2	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Hậu Giang	QUẬN 11	Ba
2123	06.263	Văn	Nguyễn Dương Thanh	Thảo	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-7	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Ba
2124	06.269	Văn	Nguyễn Thị Minh	Thiện	4	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.2	THCS Dơi Lầu	CẦN GIỜ	Ba
2125	06.271	Văn	Nguyễn Huy	Thông	25	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9-3	THCS Lê lợi	QUẬN 3	Ba
2126	06.276	Văn	Nguyễn Phương	Thúy	23	3	2003	Thanh Hóa	9.14	THCS Tô Ký	HÓC MÔN	Ba
2127	06.284	Văn	Nguyễn Tổng Thanh	Thư	21	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Nguyễn Du	GÒ VẤP	Ba
2128	06.292	Văn	Nguyễn Huỳnh Quỳnh	Tiên	23	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
2129	06.301	Văn	Lương Hoàng Minh	Trang	15	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Tây Hồ	GÒ VẤP	Ba
2130	06.307	Văn	Nguyễn Phúc Bảo	Trâm	9	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Thọ	THỦ ĐỨC	Ba
2131	06.320	Văn	Nguyễn Võ Ngọc	Tú	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Tân Sơn	GÒ VẤP	Ba
2132	06.121	Văn	Nguyễn Đình Hải	Linh	12	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Hoa Lư	QUẬN 9	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
2133	06.124	Văn	Nguyễn Đan Nhật	Linh	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
2134	06.126	Văn	Trần Thị Phương	Linh	29	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A9	THCS Nguyễn Văn Bá	THỦ ĐỨC	Ba
2135	06.137	Văn	Nguyễn Ngọc Hà	My	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9a11	THCS Ngô Tất Tố	PHÚ NHUẬN	Ba
2136	06.141	Văn	Nguyễn Ngọc Thùy	My	28	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
2137	06.142	Văn	Nguyễn Trần Trà	My	22	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
2138	06.146	Văn	Trịnh Ngọc	Mỹ	10	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Lương Thế Vinh	QUẬN 1	Ba
2139	06.148	Văn	Trần Như	Mỹ	26	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Chu Văn An	QUẬN 11	Ba
2140	06.150	Văn	Trần Nguyễn Khánh	Ngân	20	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/8	THCS Thị Trấn 2	CỦ CHI	Ba
2141	06.153	Văn	Lê Lâm Kim	Ngân	15	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Thái Bình	BÌNH CHÁNH	Ba
2142	06.154	Văn	Ngô Kim	Ngân	15	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/10	THCS Tùng Thiện Vương	QUẬN 8	Ba
2143	06.157	Văn	Đỗ Nguyễn Thanh	Ngân	15	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A7	THCS An Nhơn Tây	CỦ CHI	Ba
2144	06.160	Văn	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	12	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/11	THCS Đông Thạnh	HÓC MÔN	Ba
2145	06.172	Văn	Huỳnh Nguyễn Xuân	Nghi	6	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Lương Định Của	QUẬN 2	Ba
2146	06.333	Văn	Bùi Nhật Phương	Uyên	16	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	Ba
2147	06.338	Văn	Tô Thanh	Vân	5	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Phú Định	QUẬN 6	Ba
2148	06.339	Văn	Huỳnh Bảo Hạnh	Vi	10	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A5	THCS Đức Trí	QUẬN 1	Ba
2149	06.340	Văn	Nguyễn Ngọc Thanh	Vi	14	2	2003	Lâm Đồng	9B	THCS An Phú	QUẬN 2	Ba
2150	06.366	Văn	Hồng Ngọc Như	Ý	19	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
2151	06.370	Văn	Võ Duyên Thiên	Ý	4	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/18	THCS Phan Bội Châu	TÂN PHÚ	Ba
2152	06.373	Văn	Phạm Ngọc Hải	Yến	13	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	NHÀ BÈ	Ba
2153	06.376	Văn	Nguyễn Lê Ngọc	Yến	17	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
2154	06.022	Văn	Nguyễn Thụy Phương	Anh	23	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Lợi Trung	BÌNH THẠNH	Ba
2155	06.025	Văn	Phùng Nguyễn Quỳnh	Anh	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9.1	THCS Bình Trị Đông	BÌNH TÂN	Ba
2156	06.028	Văn	Quách Tú	Anh	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Bình Tây	QUẬN 6	Ba
2157	06.029	Văn	Nguyễn Tú	Anh	8	2	2018	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Phan Công Hớn	HÓC MÔN	Ba
2158	06.030	Văn	Lê Vân	Anh	3	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS An Phú Đông	QUẬN 12	Ba
2159	06.041	Văn	Nhâm Lê An	Chi	20	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
2160	06.050	Văn	Đặng Ngọc	Diệu	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Tân Thạnh Đông	CỦ CHI	Ba
2161	06.053	Văn	Huỳnh Cẩm	Dung	5	9	2003	Quảng Ngãi	9-3	THCS Đồng Khởi	TÂN PHÚ	Ba
2162	06.055	Văn	Lê Mạnh	Duy	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/9	THCS Xuân Thới Thượng	HÓC MÔN	Ba
2163	06.075	Văn	Tô Đặng Bảo	Hân	23	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lê Anh Xuân	TÂN PHÚ	Ba
2164	06.083	Văn	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	9	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
2165	06.096	Văn	Hồ Đỗ Đặng Kim	Hưng	14	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A4	THCS Nguyễn Hiền	QUẬN 7	Ba
2166	06.098	Văn	Lâm Tín	Hưng	3	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9H5	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba
2167	06.102	Văn	Ng Hồng Thu	Hương	21	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THCS Phạm Đình Hổ	QUẬN 6	Ba

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	ngày sinh			nơi sinh	lớp	trường	quận	Giải
2168	06.114	Văn	Trương Trần Hoàng	Kim	15	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Bình Khánh	CẦN GIỜ	Ba
2169	06.190	Văn	Dương Bảo	Nhi	21	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	QUẬN 9	Ba
2170	06.278	Văn	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	3	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Huỳnh Khương Ninh	QUẬN 1	Ba
2171	06.283	Văn	Hồ Thị Minh	Thư	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A8	THCS Nguyễn Thị Thập	QUẬN 7	Ba
2172	06.318	Văn	Nguyễn Cẩm	Tú	5	11	2003		9/1	THCS Nguyễn Văn Phú	QUẬN 11	Ba
2173	06.167	Văn	Phan Phương	Nghi	1	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cầu Kiệu	PHÚ NHUẬN	Ba
2174	06.180	Văn	Đặng Nguyên	Ngọc	4	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Kiến Thiết	QUẬN 3	Ba
2175	06.362	Văn	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	24	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Lê Văn Tám	BÌNH THẠNH	Ba
2176	06.367	Văn	Lê Thị Như	Ý	8	2	2018	Thừa Thiên-Huế	9/1	THCS Phan Công Hớn	HỐC MÔN	Ba
2177	06.372	Văn	Đoàn	Yến	8	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	NHÀ BÈ	Ba
2178	06.374	Văn	Phan Trần Hải	Yến	4	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A1	THCS Cù Chính Lan	BÌNH THẠNH	Ba
2179	06.024	Văn	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh	16	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hậu Giang	QUẬN 6	Ba
2180	06.049	Văn	Liêng Bích	Diệu	22	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hoàng Lê Kha	QUẬN 6	Ba
2181	06.058	Văn	Ngô Thị Mỹ	Duyên	10	12	2003	Quảng Nam	9A13	THCS Trần Quang Khải	QUẬN 12	Ba
2182	06.074	Văn	Võ Thị Thanh	Hằng	19	7	2003	Bến Tre	9A1	THCS Trường Chinh	TÂN BÌNH	Ba
2183	06.079	Văn	Ngô Gia	Hân	19	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A2	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	QUẬN 1	Ba
2184	06.087	Văn	Nguyễn Hữu Minh	Hiếu	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	NHÀ BÈ	Ba
2185	06.092	Văn	Lê Diệu	Huyền	17	4	2003	Quảng Trị	9/1	THCS Tân Tạo	BÌNH TÂN	Ba

Danh sách có 2185 học sinh đạt giải